

TRİ TÀN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

* Tiểu thuyết Ngô-vương Quyền	Ứng-hòa
* Đại nam-dật-sự (XXXVIII)	Nguyễn-văn-Tố
* Ca dao mới	Lãng-ngâm-Tử
* Đọc sử phải chăng cốt để phê-trương	Tam-Gia
* Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXI)	Ứng-hòa
* Đọc sách	Tiên-Đàm
* Kính đáp ông Lê Văn trong báo « Quốc-gia »	Long-Điền
* Ba người thợ cần mẫn (III)	Lê-Thanh
* Nhân ngày hội nghị giáo khoa toàn quốc...	Khái-Sinh
* Một đoạn lịch sử ngoại giao... (II)	Hoa-Bằng
* Những ông nghè triều Lê (LXXXIX)	Nguyễn-văn-Tố
* An-Tư, tiểu thuyết (VI)	Nguyễn-huy-Tướng

0 \$ 50



Ứng-hòa NGUYEN-VĂN-TO

6423

Xem bài ngụ-ngôn ấy thì biết người đứng đầu không phải đủ cả những đức-tính như trên vira kể, phần nhiều chỉ cần biết người, cần có sức phán-đoán, có lòng cương-quyết. Giá ông Trần thanh Mai đem những đức-tính ấy, đặt ra một chuyện, như chuyện vira dịch trên, thì độc-giả sẽ hiểu cái đức-nghiệp của Ngô-Quyền.

Ở đây ông lại chép Ngô-Quyền « sụp xuống lạy Liễu-nhi », thật làm mất cả phẩm-giá người anh-hùng !

Những chỗ ông dựa theo sử cũng nhầm. Như trang 27, ông nói « Quan Thái-Tổ Lý-khắc-Chính... » Các quyền sử chữ nho đều chép : khi Nam-Hán đã bắt khước-thừa-Mỹ, cho Lý-Tiến làm thứ-sử châu Giao, thì Lý-khắc-Chính ở lại giữ châu (chữ nho là lưu thú châu) : « lưu thú » chính nghĩa đen là ở giữ, tức là khi vua đi tuần-thứ, có các chức đại-thần thay giữ kinh-thành. Nguyên Hậu-Hán thư chép khi Hòa-đế đi tuần-thứ, cho chức thái-úy là Trương-Vô làm vệ-úy lưu-thứ. Đời Đường về sau cao là chức quan : Đường Thái-tông đi đánh Cao-li, đặt kinh-thành lưu-thứ. Đời Tống cho những hoàng-thần, đại-thần làm lưu-thứ. Cứ như thế, chức lưu-thứ to lắm, không dùng lẫn với thái-thứ được, vì thái-thứ còn dưới quyền thứ-sử. Chỗ này là Hán-chúa cho Lý-khắc-Chính thay mình ở lại giữ châu Giao, ít ra cũng ngang chức thứ-sử, chứ không phải thái-thứ.

Lại như trang 38, ông Mai nói : « Trưởng bằng gấm thêu cả một bài văn rút trong Hậu Hán thư, tức là bài tuyên-ngôn của Mã Phục Ba với quân sĩ khi chiếm xong quận Giao-chỉ, trong ấy Mã-Viện nhắc câu mình trả lời cho em ruột là Thiệu-Du khuyên nên an

nhân thủ phận ở xứ nhà ». Câu ấy không đúng Hậu Hán thư (q. 24, truyện Mã-Viện, tờ 2 b) chép rằng khi Mã-Viện đánh được Giao-chỉ, « giết trâu uống rượu, khao thưởng quân-sĩ, thông thả báo các quan thuộc-hạ rằng : « Em họ ta (tùng đệ) là Thiệu-Du thương ta là người khảng khái, có nhiều chí lớn, nổi rằng : « Người học-trò sống ở trên đời, chỉ cốt ăn mặc no đủ, lên xe xuống ngựa, làm chức duyện sử ở một quận, để giữ mồ-mả, trong hương-dãng khen là thiện-ni ân thế là được rồi. Nếu muốn cầu cho thừa-thất thì chỉ khổ thêm ». Dương khi ta ở trong huyện Tây-lý, hồ Lăng bạc, giả chữa dẹp yên, dưới thì bùn lầy, trên thì xương mù, khi độc cùn lên từng lớp, ngựa trông con đều bay xa xuống giữa hồ Năm nghĩ lời Thiệu-Du khi bình-sinh muốn thế không được nữa. »

Thế là lời Thiệu-Du, em họ Mã-Viện, k'uyên Mã-Viện ngày xưa, đến bây giờ Mã-Viện nhắc lại, chứ không phải câu Mã-Viện « trả lời cho em ruột ».

Đây là nói qua mấy chỗ nhỏ-nhỏ ở 40 trang trên : Còn sự-lịch Ngô-Quyền, tôi đã theo sách nhỏ, đăng vào mục Đại-nam đặt sự. Nay nhân có quyển tiểu-thuyết của ông Mai, tôi dịch hết một đoạn ở Việt-kieu-thư (q. 4, tờ 19 a-b) là một bộ sử ta mà người Tàu chép ra như sau này :

« Năm thứ 2 hiệu Thiên-plúc (937) nhà Tấn tướng Giao-Châu là Hiệu-công-Tiến (sử ta chép là Kiêu-công-Tiến) giết An-nam tiết-độ-sứ là Dương-dinh-Nghệ, mà thay chức. Đến năm sau (938) cố-tướng của Dương-dinh-Nghệ là Ngô Quyền khởi binh từ châu Ái, để đánh Hiệu-công-Tiến ở Giao-châu. Tiến sai người đem của sang cầu với Nam-Hán. Hán chúa là

Lưu-Nham sai con là Vạn-Fương Hoảng-Tháo (đôi phong là Giao-vương) đem quân sang cứu. Còn Hán chúa thì tự làm tướng đồng đồn ở cửa bể để làm thanh-viện. Nhân hồi mùa kể ở sông-vân-sử là Tiêu-lí h.T.êu (ch. thừa rằng : « Nay mùa dầm dãi lâu, đường tề hiểm xa. Ngô Quyền là người kiệt-hiết, chớ nên khinh thường. Đại quân nên chỉ-trọng, dùng nhiều quân hướng đạo rồi bằng tiến quân » Lưu-Nham không nghe, sai Hoảng-Tháo đem chiến-thuyền từ sông Bạch-đăng vào châu Giao, thì bấy giờ Ngô-Quyền đã giết Công-Tiến, giữ châu Giao, đem quân đón đánh Hoảng-Tháo. Trươc khi đánh, sai người ra cửa bể gọi g cộc lớn, đầu bịt sắt, lại sai người đem thuyền nhẹ theo nước triều kiêu chiến, rồi giả cách thua, giẫy phứt nước triều xuống, thuyền Nam-Hán vướng cọc sắt không về được, thành ra quân Hán thua to, sĩ tốt chết đuối quá nửa, Hoảng-Tháo chết. Hán chúa thương xót, rồi thu nhặt tàn-quân đem về. Đến năm thứ nhất hiệu Hồn-đức (954) Tĩnh-hải tiết-độ-sứ là Ngô Quyền mất (chinh mất từ năm 944). Nguyên từ khi Hoảng-Tháo bị thua chết, Hán chúa không sang đánh Ngô Quyền nữa. Ngô Quyền vì thế giữ châu Giao được lâu. Khi Quyền mất, con là Xương-Ngập nối. Xương-Ngập chết, em là Xương-Văn nối (năm 954 là năm thứ 11 của Xương-Văn) sai sứ sang Nam-Hán. Hán-chúa là Lưu-Thành cho Xương-Văn là Tĩnh-hải tiết-độ-sứ, kiêm An-nam đô hộ. Sau Xương mất, tham mưu là Lã sử Bình (sử ta chép là Ngô sử Bình), Phong-châu thứ-sử là Kêu-tri-Hộ (sử ta chép là Tri Hưng), Vũ-ninh châu thứ-sử là Dương Huy, nhà tướng là Đỗ cảnh Thạc tranh nhau làm vua : 12 châu trong quân, (tức trong nước) nổi loạn. »

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐẠI-NAM DẬT-SU

Số 37

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TÔ

XXIX — Mười hai sứ-quân
 Năm Bình-dần (966) Nam-Tấn vương mất, tham mưu là Ngô-xương-Bình (có chỗ chép Ngô-xương-Bình), thứ-sử châu Phong là Kiều-tri-Hựu, thứ-sử châu Vũ-ninh là Dương-Huy và nha-tướng là Đỗ-cảnh-Thạc, tranh nhau làm vua, trong nước loạn to, chỗ nào cũng có, đều chiếm cứ huyện ấp, định thôn-tính nhau. Ngô-xương-Xí xưng Ngô-sứ-Quân giữ Bình-khâu (không rõ nay ở đâu). Kiều-công-Hân xưng Kiều-tam-Cố giữ châu Phong (nay huyện Bắc-hạc), Nguyễn-Khoan xưng Nguyễn-Thái-Bình giữ núi Nguyễn-gia-loan ở châu Tam-dải (nay phủ Vĩnh-lương), Ngô-nhật-Khánh xưng Ngô-Lãm-rông giữ Đường-lâm (nay làng Bắc-dã huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, bây giờ nền cũ thành Sứ-quân; còn như có người cho Nhâm-giang có tên Đỗ-dộng-giang là nhầm), Lý-Khuê xưng Lý-Lăng-công giữ Siêu-loại (nay thuộc phủ Thuận-thành), Nguyễn-thủ-Tập xưng Nguyễn-Lệnh-công giữ Tien-du (nay thuộc phủ Từ-sơn), Lê-Đường xưng Lê-Tá-công giữ Tế-giang (nay là huyện Vạn-gang), Nguyễn-Sêu xưng Nguyễn-Hữu-công giữ Tây-phù-lệ (tên đất tức là làng Tây-phù-lệ, thuộc Thanh-tri), Kiều-Thuận xưng Kiều-Lệnh-công giữ Hồi-hồ (vua Trần-xá

huyện Hoa-khê có thành cũ Sứ-quân; Trần-xá tức Trương-xá, Hoa-khê tức huyện Cẩm-kê thuộc Sơn-tây), Phạm-bạch-Hồ xưng Phạm-Phong-ai giữ Đăng-châu (nay huyện Kim-dông, có đền Phạm-Sứ-quân), Trần-Lãm xưng Trần-Minh-công giữ Bồ-chính-bãi-khâu (nay xã Kỳ-bộ, huyện Vũ-thien, phủ Kiến-xương) Tất cả gọi là mười hai Sứ-quân (dịch theo Đại-việt-sử-ký, tiền-biên, q. 7, từ 13 a và b)

Khâm-định-Việt-sử, tiền-biên (q. 5, từ 28 a đến 29 a) có mục «căn-án» chép rằng: «Cựu-sử chép «Ngô-Sứ-quân, 2 năm» đề kế tiếp Nam-Tan-vương (Xương-Văn), vì cựu-sử cho Sứ-quân Ngô-xương-Xí là con Ngô-xương-gập. Nay xét ra: Khi Nam-Tấn-vương đã mất, Xương-Xí mới chiếm-cử Bình-khâu, thế rất yếu, so với các sứ-quân kia không khác gì, nên đều chép ngang nhau. Lại xét cựu-sử chép «Nam-Tấn-vương mất, mười hai Sứ-quân đều tranh nhau nổi dậy, bắt đầu từ Ngô-xương-Xí, cuối cùng Trần-Minh-công», ở dưới chép «Đinh-bộ-Linh xưng vạn bang vương, rồi lại kế Đinh-bộ-Linh theo Trần-Minh-công, Minh-công mất, giao Bộ-Linh coi quân ấy». Xét ra-nam-thứ-nhất của Xương-Văn đã chép chuyện «Bộ-Linh giữ Hoa-lư, hai vua Ngô (Thiếu-Sách và Nam-Tấn) đem quân đến đánh không được». Vậy thì Trần-Minh-công khởi binh đương

vào lúc Xương-Văn chưa phục-quốc. Cứ suy thế, thời mười hai sứ-quân đều chiếm cứ huyện ấp, nên có lẽ trước người sau không giống nhau, chứ không phải đến khi Nam-Tấn mất, rồi từng nổi dậy một lúc, nhưng cựu-sử chép mất năm nào chỉ kể tóm 12 sứ-quân, này không chỗ nào chép rõ, bên ra uế độn xét»

Gần đây có nhà làm sử cứ cho bình phẩm về mười hai sứ-quân như sau này: «Xem cuộc đời mười hai sứ-quân tranh nhau, thì biết nghĩa hợp-quân là khó, nhưng cũng biết cái trí-não dân-tộc ta về hồi ấy đã đến trình độ tiến-bộ. Lúc ấy vua Ngô tuy mất, Xương-Xí là dòng-dối thiên-hoàng, cũng như Đông-chú-quân nhà Chu, Hoài-dương-vương nhà Hán, nếu các thổ-hào, cùng nhau phục tòng, hợp hơn mười vạn nhỏ làm một vạn lớn, tôn Ngô-Xương-Xí làm thiên-hạ-cộng-chủ, để nối dòng họ Ngô, mà các bộ sứ-quân thời tự-trị lấy trong bộ mình, khi quốc-gia vô sự, thời áo-xiêm ngọc-bạch như Tần-Tấn liên hoành, khi Quốc-gia hữu-sự, thời mỗi hổ rãng-lạnh, giữ gìn nhau như ngừ, Quốc-kết nghĩa, thế thì hợp-chúng-quốc ở Bắc-mĩ-lợi-viên và hai mươi năm liên-bang ở Nhật-nhĩ-man, há chẳng xuất hiện vào nước ta về thế-kỷ thứ 12 rồi ư?»

Lại không làm thế, sớm chuồng trống, tối giặc mã, manu ăn thịt yếu, rút cục bị tiêu-ma cả ở dưới ngọn cờ bông lau, há chẳng phải lại cái tội «quần-học-bất-minh» (không rõ nghĩa hợp-quân)? Nhưng mà còn có chỗ đáng khen, vì nước hồi ấy, mỗi khi gặp một pheo hiểm nạn, thì người nước phần nhiều dựa thế-lực người

Tàu, như Đỗ - hoằng-Vân, đương khi cô bé nhỏ mà gắng đi xe đò sang nhà Tống, M. Lý thúc-Hiến đi tắt đường đò trâu nhà Tề, đều là mượn thế lực người ngoài để bắt nạt đồng loại, thật đáng khinh bỉ! Lúc bấy giờ ở các sứ-quân mỗi người xưng hùng xưng bá một phương, có Nam-Hân là một nhà khôn - ngoan muốn mở rộng rồi đất, ở ngay kế nách thế vua hua Lề nghe có một người nào phải nhờ thế lực người ngoài để bại đồng - loại, vì rằng cái trính-độ dân-tử của ta bấy giờ, so với trước đã hơi cằn, cho nên tuy có cái lòng « cá lớn nuốt cá con » giống mạnh ăn thịt giống yếu mà ai cũng biết « rợ-già-rắn cần gà nhà » « rước voi về giẫy mìn » là không hay. Về sau Đinh Tiên-hoàng vốn xưng vạn thắng, thì thế lực không thể chống nổi, nhưng vẫn là người Nam làm vua nước Nam, trong 12 sứ-quân có linh-thiên, cũng nên ngậm cười ở nơi chín suối » (Đại-Việt sử-ký cả - lương, A 1146, q 1, tờ 65 a đến 66 b).

Ông Ngô giáp Đậu bàn rằng : « Đương khi 12 sứ-quân nổi lên, thế gọi là « giang sơn náo, anh hùng ấy », rất cạnh tranh, rồi cũng rất bình-

Cá đao mói

I

Cố chồng em phải theo chồng,
Trăm năm thề chẳng bỏ bong vôi ai
Giang sơn gánh nặng đôi vai,
Ba lo, bảy lệu hôm mai càng chông.

II

Nặng to nước đã cạn rồi !
Đem gấu mà tát kẻ thời ruộng khô !
Be bờ đàng quân công pi u
Tắc vùng, tắc đất, giới cho của mình.

III

Bến phương thao-lữe canh gà.
Dậy đi, đi chợ kéo mà chợ trưa !
Bao nhiêu kẻ bán, người mua,
Chậm chân, khôn nhẽ ganà đưa bằng người

IV

Còn tôm nó bảo con cò :
« Ngày nào mây cũng đi mò chúng lao
Mỏ mảy nhọn, eang mảy cao.
Giới mà nổi bão, phương nào mây bay ? »

V

Cào cào áo đỏ áo xanh
Một hai bộ cánh phong phanh bề ngoài.
Nhảy bay chưa chắc đã lái,
Loẹt lỏe chỉ làm cái đời nhẽ nhăng !

VI

Gạch kia lể thề từng viên,
Hàng vạn, hàng nghìn đập vỡ như chơi
Nếu xây muốn dậm thành đài,
Đã liên lạc lại khó người đập ra.

LÀNG-NGÂM TU

đang, hình như từ trước các bộ-lạc từ xưa, người nào cũng có quyền riêng, nếu biết dẫn lòng, cùng nhau thối quân một lúc, lập quốc hội ở Long-biên định chương-định thuế nà, dựng nhà học để dạy con em, làm bộ-linh để giữ bờ cõi, đổi cải lối dạy học, giữ Tào, làm chính-sách cộng hòa, như thế thì đạo quân đã được tị nạn ở bên A đông La không làm thế, mỗi người cầm quân một chỗ, cất đất ở nơi, nà con cò còn trại găng nà au mãi, rất sự Định bộ Lĩnh là ông lão đánh cờ đã được hưởng, ai nước Việt nam hơn bốn nghìn tám trăm năm nay thực không muốn có cái thời kỳ 12 sứ-quân như thế (Trung - học Việt - sử lược - yển quyển hạ, tờ 5 b).

Ta có câu ca - dao về thời 12 sứ-quân như sau này : « Cửa đời muôn sự của cùng, tranh nhau một tiếng anh hùng mà thôi ». Ý nói : thên-hạ là công-cộng của thiên-hạ, không phải riêng của ai, nhà nào cố phú thì được hưởng ; trong 12 sứ-quân ai cũng làm-le làm chủ thiên hạ, nếu không được thì cũng tranh lấy cái tiếng anh hùng ; cho nên dân ta đặt câu ấy để tự sự. Thực ra làm (Xem tiếp trang 17)

ĐỌC SỬ PHẢI CHĂNG CỐT ĐỂ PHÔ-TRƯƠNG ?

TAM-GIA



Ở-HOC ngày nay đã có một địa-vị bản-hoạt trong văn-chương Việt-nam. Nghĩ lại cái bề dài dằng-dặt từ thừa ông Trần trọng Kim cho ra họ Việt-nam sử-lược đến bây giờ, người thứ: giả không ngần ngại một mấn-nguyên chính-dáng. Số người viết sử đã tăng và trong các tủ hàng, người ta hơi lạ rằng số sách nói đến dĩ vãng: danh-nhân truyện-ký, dịch sử h cổ, phá-bình nhân-vật xưa, giải thoại, lịch-sử, không chịu thua số tiểu-thuyết, là bao Phong-trào đã đến chỗ thịnh. Cũng tới số người viết, số độc giả cũng lên. Thậm chí có những tờ báo hàng ngày cũng dành riêng mấy cột để đăng chuyện danh-nhân, mà mấy cột bấy giờ, nhằm lúc điện-tích tờ báo bị hạn-chế, là một chứng triệu rằng người đọc tờ báo, đòi hỏi bài về sử như tha-thiết với một bài tường-thuyết thể-thao hay một mẩu đời tài-tử màn bạc.

Người ta yêu sử nhưng lại yêu quá. Bởi thế cho nên bây giờ đã nảy ra một hạng người chưa thể lấy ngay một danh-từ mà chỉ được. Bọn này đọc quốc-sử, đọc nay, đọc mề Bất kỳ nơi nào, bất kỳ lúc nào, họ có thể đọc cho nghe tới mười lăm bộ nước Văn-lang; họ có thể mịch đến nào còn thờ Đại-trạch vương; họ vạch vạch đọc mọi chi tiết của từng sở quân; họ có thể tả lại cuộc khởi nghĩa đánh Minh, như họ là một dân-

quân của Bình định vương, vẫn vẫn. Dân rằng mình là người Việt-nam, có bổn-phận phải biết và thuộc quốc-sử; và có biết, có thuộc cũng chỉ là sửa lại sự lãn-dạm năm xưa. Nhưng họ liết đề mà kiêu.

Đầu đầu họ cũng cho mình bị đồ họ thật, nhưng cũng đã nhiều phen khố Trung-hoa hoảng hốt. Ông Phùng-Hưng chỉ nổi lên mang quân nhằm La-thành mà đồ họ Cao chí-th-Bình lo sợ mang bệnh mà chết. Nước Trung-hoa cũng nhà Tống, mặc dầu cái tài kinh tế của Vương an-Thạ-th, cũng phải nhường bước nhà Lý: không những Lý thường Kiệt nêu danh - nghĩa cứu vớt dân Trung-hoa khỏi cảnh lầm-thần của Tống-triều lại còn thí th vào trán người châu Khâm, châu Liêm, châu Ung đem trả cho Tàu những chữ đề ghi muôn đời cái nhục chiến-bại: Thiên-tử-binh, Đầu Nam-triều, Quan Khách. Cái nhục ấy, hai trăm năm sau, lại trở lại trên sông Bạch đằng để diệt hẳn tham-vọng của Nguyễn-binh. Cho nên, tuy:

« Đồng-trụ-chi kim đại thương lục »

ta vẫn không có gì ti tiện, vì ta đã không diệt mà:

« Đẳng-giang tự cổ huyết đo hồng »

Về sau, ngôi nhà Trần đổ, ta bị đồ-họ mười năm, nhưng cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi lại là một cơ-hội để ta bêu-diễn cái tình-thần chiến đấu của dân tộc, và còn gì phần-khởi lòng người hơn là nghĩ

đến cái cảnh Mã-kỳ, Phương-Chi th « ra đến bề chưa thói trông ngược », Vương Thông Mã-An th « về đến Tần còn đồ bờ-hỏi ». Nước ta đã quyết lấy xương máu vạch lấy bờ cõi; nên từ đây không còn lần nào chịu ách của người Tàu nữa.

Buổi Lê-Mạt, nhà Thanh có ý lợi-dụng cái tình-thể « nước đục » của ta; nhưng con phượng-hoàng Tây-sơn, sau một mạch bay thẳng từ Nam ra Bắc-bà, đã gieo sự rối-loạn trong quần-ngũ Tôn sĩ Nghĩa đến nỗi sông Hồng-hà không cuốn nổi thây quân Thanh, mà từ cửa ải về mề hắc mấy trăm dặm vắng ngắt tiếng người. Thế mới ha: « Nam quốc sơn-hà Nam đế cư »

Ta đã có những chiến-công rực-rỡ để làm mờ cái hận nghìn năm nội-thuộc. Ta lại còn tiến xuống Nam bớp chet nước Chiêm thành, bảo hộ nước Chân-lạp.

Kể về người tài, ta cũng có một danh-sách không phải là vớ: nào Mạc-Đĩnh-Chi, nào Nguyễn công-Trứ, nào Nguyễn-Trãi, nào Nguyễn-bình-Khiêm, nào Lê-quý-Đôn...

Như giáo tự bác học trong cái vòng nhặt bẹp của « cũ » nghiệp và huấn-lỗ nhưng quốc-sử cũng đã ghi được tên những danh-nhân, khi-tiết mãi mãi còn để đời sùng bái: Chu-văn-Anh, La-sơn phu-tử... Tóm lại, quốc-sử để tại-hệ che cho kiêu. Nên học đọc-học qua các câu chuyện của họ, nước nhà là một nước-ag-quốc, dân minh-

là một dân-tộc cao đẳng. Ai gọi thực-tại chẳng, họ bảo ấy trịnh giới. Thật là một quan-niệm đầy nguy-hiểm cho cá-nhân, cho đoàn- thể, và đây mới là nỗi nguy-hiểm làm cho ta run sợ.

Ta không bảo chỉ đến cái hại về phương-diện học: luyện lấy cái thói thấy sao tin ừ. ừ, dễ nhút cả óc pi ế bình. Ta chỉ cần với rằng đọc sử mà chỉ có một dụng ý là ca tụng vô độ những trang hùng-bách của thời xưa, thì tránh sao khỏi lầm về cái chân-giá-trị của dân-tộc. Lấy những Trần Ích-Tắc, những Mạc Đăng-Dung, những Hồ Quý-Ly để bảo người Việt-nam toàn một phường bên nhất phần bởi thì gì sai bằng. Nhưng lại bảo bản-quốc chỉ có những arch-tung, hào-kiệt như Lý-thường Kiệt, như Trần-Hưng Đạo, như Nguyễn Trãi, như Lê Lợi như Quang-trung thì cũng không gì vô-lý hơn. Guồn sử Việt-nam có ghi tên những người tài, những nơi thắng, nhưng cũng không bỏ sót tên những người dở, những nơi thua; vậy người đọc có hồn-phận phải đọc kỹ tất cả, ngó hầu thăm hiểu bài học của người và việc, là một bài học nhần-nại viết bằng huyết lệ. Có linh-hội được cái ý-nghĩa của sử mới trong quán-sát một cách thấu triệt việc bày giờ để chắt-chần hy-vọng ở mai sau. Vả chẳng, ta cứ tảo bạo khằng-định rằng quốc-sử không có một trang nào lý-ố, mà thiên-nhân trỗi-trở lại những luân-công, lẽu ta ngày nay có nên nhắc lại để học-hoàng không? Chỉ một phút đối-đối di-răng với hiện-tại, chỉ phoảng suy-ngĩ, người có hóm-sĩ, cho có sùng-phụng người xưa mấy nữa, cũng tự bất minh (ủi đầu xuống).

Tôi đây, tôi nghĩ đến những lòng ấm nhất-thế. Tôi đã biết có một ông không-ngọt miệng khoe của mình ngày xưa làm ông-Đốc,

ông mình từng đi khám sai, cụ mình đã nổi tiếng trong khi đi sứ bên Tàu. Ông ta còn-rem còn một cái danh « ấm-tử » làm gạch nối với những thế-hệ cực rã thời xưa; ngoài ra chực áo the tàng àng, bộ mặt hốc-hác lại kéo ông về thực-tại chua chát. Đáng lẽ phải-dầu để noi vết ừ khảo, ông ta đã hèn nhát đem cái khố bày giờ vùi vào chắt danh phạ hèo. Người đọc sử chỉ cốt phò trương cái lòng lầy đã tàn của tổ-quốc tất cũng cùng chung cái nhục trốn việc trước mắt mà lại còn có tội mang-một quan-niệm sai lạc về mình.

Giữa lúc địa-cầu đang qua cơn khủng-hoảng dẫn máu, có thế-giới đang tiêu-hủy, có thế-giới đang kiến-thiết; ta chỉ cần mở mắt cổ nhìn qua biên-giới. Tự-nhiên, nếu không thấy được hết, ít ra ta cũng biết qua-loa những điều kiện để làm một dân-tộc mạnh-mẽ có chỗ đứng dưới mặt trời; ta sẽ nghĩ tại các đặc-điểm hoặc ưu hoặc lợt, cũng như những nỗ-lực của thiên-nhân, đoan đem so sánh với đặc-điểm của người. Bấy giờ, họa chăng ta mới có thể đánh giá ta

mà tiên đoán địa-vị của ta sau này, vì đã có một quan-niệm xác-đáng về dân-tộc. Bấy giờ, con đường tương lai đã vạch rõ, ta có thể quyết mà bước vào, mang gan dạ chấp hết thấy gian-nan trước mắt. Bấy giờ, ta mới khởi tiếng làm con đả-đều thấy hiềm nghèo rúc mình xuống cát hay làm ông ấm nọ lấy oai-phong chết để cho-đầy tỉnh sợ sống.

Tóm lại, trong địa-hạt sử, lịch-cực là luật sống; lấy ánh sáng hôm nay soi việc hôm qua để tìm một con đường hành-chỉ, sao cho lập người trên đường tiến hóa, chứ không nên chỉ chuyện lim dim lại ở ông lại thời xưa. Một người thăm-thủy giải nghĩa Tổ quốc là « những năm mờ năm im lìm và những chiếc vòng lắc-lư » (... l'immobilité des tombes et le balancement des berceaux); tôi mong rằng người đọc sử cũng quán đấy mà cho hai chữ « đọc-sử » một địa-h-nghĩa mới và đúng: đọc sử là cảm thông với người xưa trong cái nhiệm vụ thiêng liêng sắp của lớp người sau.

TAM GIA

ĐA CÓ BẢN

Khảo cứu về

TIẾNG VIỆT-NAM của Trà Ngân

Giá : 2\$50

BƯỚC ĐƯỜNG MỚI Truyện dài lý-tưởng của Dương-Việt

— 3, 00

KIM - TỰ - THÁP của Phan Quang-Dịnh

— 3, 00

NỬA ĐÊM Truyện thần quái của Nam-Cao

— 2, 00

MỘT MỐI TÌNH của Phạm Huy-Toại

— 3, 00

GIÁC MƠ PHỒ MÃ S ch Hoa-Mai của V. H.

— 0, 20

PHÁCH BƯƠM HỒN HOA Sách hoa-Mai của Thử-bung

— 0, 30

BẦY BÔNG LÚA LÉP Sách Hoa-Mai của Nam-Cao

— 0, 50

HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG Sách Hoa-Mai của Thiên-Lang

— 0, 50

NHÀ XUẤT BẢN CỘNG LỰC

N. 9 Rue Takou — Hanoi

Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ

58 61

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều (bài nối)

Bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh in tại năm 1920 (trang 111), quyển *Vương Kim diễn tự* (bản sao của trường Bắc cổ số A B 234, tờ 48 b) và quyển *Đoạn-trường tán-thanh* tức là kinh-bản của cụ Kiều oánh-Mậu (tờ 43 a) chép câu 1683 và 1684 là: « Gân miến ngha có một thầy, Phi phũ chí quý, cao tay thông-buyn ». Phương bản của Quan-ván dương (tờ 53 b) chép là « Phi phũ việc quý ». *Kim Vân Kiều chú* (bản sao của Bắc-cổ, số A B 233, tờ 40 b) chép là « Phi phũ sát quý ». Bản quốc-ngữ của thư-xã Alexandre de Rhodes (tr. 406) chép là « Phi phũ trị quý ». Tính chữ « chí » mới phải: « chí » nghĩa là đến, « phi phũ chí quý » nghĩa là dốt là bừa thiếu đến quý; bản chữ nho (tức *Kim Vân Kiều chú*) chép là « phi phũ triệu tướng, phán văn, vong hồn », nghĩa là dốt là bừa với tướng quý để hồn vong-hồn: thế thì chữ « sát » và chữ « trị » không hợp nghĩa bằng chữ « chí ».

— Hai bản quốc-ngữ, *Vương Kim diễn tự*, và *Kim Vân Kiều chú* đều viết: « Mệnh-cung đang mắc nạn to ». Kinh bản và phương-bản viết chữ « Bội-cung » và chưa nghĩa « Bội » là sao Bội; cung-mệnh có sao Bội chiếu thì bị nạn.

— Các bản chữ nôm và quốc-ngữ đều viết « Hai bên giáp mặt chồn-chồn; Mướt như mà chẳng dám nhìn, lạ thay ! ». Duy kinh-bản chép là « Hai bên giáp mặt nhiều phen ».

— Các bản đều chép « Nghe lời nói, lạ nhường này ! ». Duy kinh-bản chép « Điều đầu nói lạ nhường này ».

— Các bản đều chép « Nước trời hoa rụng đã yên. Duy kinh-bản chép « Đành rằng này, đã cứ nguyên », dưới lại chưa rằng « Phưởng - bản chép: Hoa, trời nước chảy đã yên; nhưng theo kinh-bản ».

— Hai quyển quốc-ngữ, phương-bản và *Kim Vân Kiều chú* đều chép « Vực nàng tắm xuống môn-phóng, Hầy còn thêm thiếp giấc nồng chưa phai ». Duy kinh-bản chép « Đem nàng bỏ xuống cửa phòng ».

— Bản quốc-ngữ 1920 chép « Hoàng-lương chợt tỉnh giấc mai, Cửa nhà đầu mất, lâu-dài nào đây ? »; bản quốc-ngữ 1943 chép là « hôn mai ». Phương-bản và *Kim Vân Kiều chú* chép là « Hoàng - lương nghe lình hôn mai, Cửa nhà đầu mất lâu dài nào đây ? » Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Mơ-màng chợt tỉnh hôn mai, Cửa nhà đầu mất, lâu-dài nào đây ? » Kể ra, thì câu trên nên theo chữ « Hoàng-lương » (kê vàng), câu dưới nên theo chữ « đầu tá ». Hoàng-lương do điển xưa này: « Trong đời Khai-nguyên (713-741) nhà Đường có người học-trò họ Lạc đi thi hỏng, về đến hàng xóm ở Hàm-dương chữ hàng-com đang nấu nồi kê, người học-trò buồn ngủ, có người đạo sĩ đưa cho cái gối, người học trò-nằm xuống thiếp đi, thay vào cửa sơn son, gặp giai-nhân đính ước, sau

khi thành hôn, đi thi đỗ trạng-nguyên, bỏ Hàn-lâm, ra tri-ấn, có quân-công, được phong hầu, bị Lý-lâm-Phủ gièm, giáng ra làm quan ở Lĩnh-nam, sau được triệu về, phong quốc-công, tỵ ngoại 80, bị bệnh mất... giạt mình tỉnh dậy, mới biết là chiêm-bao, mà nỗi kê của nhà hàng vẫn chưa chín » (dịch ở *Kim Vân Kiều chú*). Chữ « hôn mai », đề điều sau này: « Trong đời Khai-hoàng (580-600) nhà Tùy, Triệu-sư Hùng đến ở núi La-phù, có một hôm về mùa rét, giới đệ tử, thầy ở cạnh quán rượu rằng mai có một người đàn bà đẹp, áo xanh, da trắng, Sư Hùng ta đến, đến khi mặt trăng đã rõ, cùng nói chuyện thì tiếng nói trong trẻo, hương thơm át người, cùng nhau đến quán rượu, nồng quá say, rồi cùng nằm; nhưng gió lạnh quá, ngánh lại thì mặt giới đã rụng đồng; chỉ thấy gốc cây mai lờ mờ... » (dịch theo *Long thành lục* ở trong *Kim Vân Kiều chú*).

— Quốc-ngữ, phương-bản và *Kim Vân Kiều chú* chép là « Gạn-gùng ngọn hơi ngánh tra, Sự mình nằng đã cứ mà gửi thừa ». Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Sự mình nằng phải cứ mà gửi thừa ».

— Bản quốc-ngữ 1920 chép là « Bất tình nổi trận mây mưa: Tuồng ngi, những giống ho-thờ q cấ thân ». Bản quốc-ngữ 1943 chép là « Bức rằng Những giống ho-thờ quệp-thất ». Phương-bản chép là « Quê nằng ». *Vương Kim diễn tự* chép là « Măng rằng ». Kinh-bản chép là « Măng rằng ». Giống khéo ho-thờ qua thân ».



— Hai bản quốc-ngữ và kinh-bản chép: « Đã đem mình bán cửa tao. Lại còn khùng-khỉ làm cao thế này là Phụng-bầu và Vương Kim diễn lại chép là « Lại còn đùng-dính ». Kim Ván Kiều chú chép là « Lại còn những lời ».

— Hai bản quốc-ngữ, phương-bản và Kim Ván Kiều chú chép « Phải đem êm-ả chiếu trời. Trục tơ hồng đến nghè chôn tòi ngày ». Kinh-bản và Vương Kim diễn lại chép là « Có khi êm-ả »: hai chữ ấy theo kinh-bản phải hơn vì êm-ả là tốt thì không dùng chữ « phải đem ».

— Bản quốc-ngữ 1920, phương-bản và truyện chú chép « Cửa người đầy dơ chút thân, Sớm năn-nỉ bông, đem ân-hận lòng ». Bản quốc-ngữ 1943 chép « Sớm năn-nỉ bông, đem ngo-ngân lòng »: chữ « ngo » không hợp vần với chữ « thân ». Kinh-bản viết « Sớm than-thở bông, khuya năn-nỉ lòng ».

— Phương-bản, quốc-ngữ và Kim Ván Kiều chú đều viết « Sinh đã phách lạc hồn xiêu: Thương ôi chẳng phải nàng Kiều ở đây? » Kinh-bản chép « Thương ôi nọ chẳng phải Kiều ở đây? » Vương Kim diễn lại chép « Thương ôi nọ nọ nàng Kiều ở đây? » (Còn nữa)
Ông-học NGUYỄN VĂN TỐ

ĐỌC SÁCH

Kim vân Kiều (nouvelle traduction française) của M. R.

Thư xã Alexandre de Rnodes vừa cho ấn hành một bản dịch ra Pháp văn quen Kim vân Kiều.

Bản dịch này khác hẳn với bản dịch của ông Nguyễn Văn Vĩnh cũng do Thư xã xuất bản.

Dịch văn Kiều ra chữ Pháp đến đây đã có nhiều người dịch, có đến bốn bảy kẻ cả của ông Nguyễn Văn Vĩnh, nhưng phần nhiều chỉ là dịch ý mà không dịch nguyên văn.

Trong bản dịch này, dịch giả là M. R. đã theo từng câu chú thích những điển hơ, lại chưa thêm cả những chỗ hoài nghi trong câu chuyện.

Dịch giả vốn người uyên thâm Hán học lại gọi cả quốc văn nên đã thành công trong nhiều đoạn mà chúng tôi thử đem ra so sánh dưới đây:

Khóa xuân:

Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân,
Vẻ non xa-tăm hiêng gần ở chung
Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia.
Bẽ bàng mây sớm đèn khuya
Nửa tình nửa cảnh như chia
lấm lòng.

« Devant le pavillon de l'Azur condensé » asile de son printemps, une frange de monts lointains se fondait dans l'éclat de la lune voisine. Des quatre côtés, à perte de vue, s'étendait le regard, sur le sable jaune des plages, sur les chemins poudrés de rose. Indifférente aux nuages de l'aube comme aux lampes du soir, tantôt les souvenirs, tantôt les paysages semblaient se partager son âme ».

o và như đoạn: Thục sinh từ biệt Kiều:

Người lên ngựa và chia bào,
Rừng phong thu đã nhuộm màu
quan san
Đậm hồng bụi cỏ chinh an
Trông người đã khuất mấy ngàn
đường xanh

Người đi chiếc bóng năm canh,
Khẽ đi muốn đem một mảnh xa xôi
Vàng giương ai sẽ làm đôi
Nửa tình nửa cảnh như chia đường.

* Thúc monte le sille et K'ieu le quitte comme un olivier à sa robe la Forêt d'érable teinte par l'automne couvre au loin les cols et les monts. Sur le chemin la poussière rose tourbillonne autour du cavalier, K'ieu regarde et le perd de vue, parmi les lieux de muriers verts. Elle rentre et demeure seule, au long des cinq veilles de la nuit. Et Thúc cheminé solitaire, tout à bas, à dix mille lie. Disque de la lune, qui s'a divisé en deux, moitié pour caresser l'oreiller solitaire moitié pour brûler sur les routes ».

Thật là lần đầu tiên có một bản dịch kỹ như vậy; bản dịch này sẽ giúp ích cho những người — nhất là người Pháp — từ xưa đến nay chỉ mới được thưởng thức ý chuyện Kiều mà không biết cách hành văn của tác giả Nguyễn Du liên-sinh.

Chúng tôi xin mừng dịch giả đã vượt được bao nỗi khó khăn để có tới hết từng-thậm văn chuyện Kiều và dịch sát nghĩa với Pháp văn mà nhất là những câu dịch cũng vẫn chương và rõ ràng nghĩa từng chữ một.

Vậy xin vui lòng giới thiệu bản dịch có giá trị này với độc giả thân mến của tạp chí.

TIẾN-ĐẰM

Kính đáp ông Lê Văn trong báo « Quốc-gia » số 2 về những chỗ nhầm ở Văn-liệu Từ-Điền

Long-Điền
NGUYỄN VĂN MINH

Nhân mộ hôm ra Hà Nội, vào một hang sách, thấy tập báo « Quốc-gia số 2 » đọc bằng mục lục in ở nhà cổ mục. Đọc sách Văn-liệu Từ-Điền và Quang-Trung.

Thốt đọc hết gờng trên, trong bụng đã mừng được một vị ân-nhân hạ cố chỉ dạy cho những cái ở nhầm trong sách, vì vốn tôi là một người đang tìm học, nên ham biết, được ai chỉ bảo cho việc gì là vốn và hao nhẽnh.

Một nhời nói hay quý hơn vàng ngọc.

Người chê ta mà chê phải là thầy ta, người khen ta mà khen phải là bạn ta, người ghét ta ấy là người thù ta đấy; cho nên thấy có người vạch mấy chỗ nhầm trong « Văn-liệu Từ-Điền » trong bụng tôi rất vui mừng.

Đến khi, hặc mắt thấy mấy chữ Lê Văn và Bế Lãng Nguyên, thì tôi mừng lắm, vì mất sáu năm sao? Vì mười năm trước, ông Lê Văn tác giả bài « Văn-liệu » mà Bế Lãng Nguyên tác giả bài « Quang-Trung ».

Nỗi mừng của tôi sở dĩ đắm đi quá nửa, vì ông Lê Văn đối với tôi không phải là người mới biết, mà là bạn văn chương từ thuở đồng năm học.

Nguyên nhai báo « Việt-Cương » ra ngày 25-11-43 ông Lê Văn có bài « Mộng Hoè » nói tôi giải

nghĩa nhầm. Ngay khi ấy, tôi đã cắt nghĩa rõ ràng mình bạch trên báo « Việt-Cương » và trên tạp-chí « Tri-Tan » số 136 và 137 ở bài « Văn đề tiếng ta » đề ông hiểu rõ, kéo sự ông làm làm đọc giả.

Bây tháng trời đã qua. Trong thời-gian ấy, ông Lê Văn có tra cứu tìm tôi được mấy chỗ nhầm, đăng lên báo vì ông cũng sợ tôi, như tôi sợ ông ngày năm ngoái làm làm đọc giả.

Kịp khi, tôi mở bà ra đọc, mấy giòng đầu, tôi mừng lại đắm đi một vài phần nữa, mà tự-nhiên cố ý thất vọng ở trong, vì xét thấy cách phê-bình và lời văn lại kém xa lần trước (ngày 25-11-43 về chữ « Mộng Hoè »).

Ông Lê Văn, lấy tư cách một nhà học-giả phê bình một quyển sách về địa-giới khảo cứu và văn-chương, mà ông tỉ mỉ đến đến cả những cái nhỏ bé tầm thường, dù có nhầm nhỏ cũng không để cho ai thì thật tôi không phê-lâm.

« Văn-liệu từ-điền » hay « Từ-Điền Văn-liệu » thì phỏng có sai nghĩa gì? Xét thế, đủ thấy ông chưa hiểu rõ cả đến hệ-lệ của nhầm nữa.

« Tôi sợ ông sợ hết bài » vạch mấy chỗ nhầm thì thật tôi không đã hết, mà thất vọng vô cùng.

Trước khi trả lời từng chỗ nhầm mà ông Lê Văn đã vạch, tôi hãy xin phép đọc giả ngừng lại một chút, để cắt nghĩa rõ chữ « nhầm », kéo ông Lê Văn chưa hiểu thế nào là nhầm, thế nào là sai, thế nào là thiếu, thế nào là sót, thì khó mà lĩnh hội được những nhời giảng sau đây.

nhầm : tức lẫn lộn, trái lẫn, hoặc lộn, hoặc lẫn. Như : rộng cho là hẹp, to cho là nhỏ, bé cho là lớn, nông cho là sâu, vuông cho là tròn, mỏng cho là dày, đẹp cho là xấu, hay cho là dở, lợi cho là hại, phải cho là trái.

Tại dụ như chữ « Xấu Mũi » là danh từ riêng, mà ông cái là danh từ chung như thế mới gọi là nhầm.

Còn như không đúng, nhiều người cũng cho là nhầm thật không phải nghĩa, không đúng tức là sai.

sai : tức là không đúng, hoặc về hình thức, hoặc về tinh thần, nhưng không trái hẳn, nghĩa là không nhầm.

Tại dụ như câu của Cổ-Duyệt. Chỉ trả lời vua Giản-vân-Đổ,

Theo sách « Tục-tuý-tập ngữ » và « Tập-thư Cổ-Duyệt-Cổ-tuý-tập » ông dẫn ra chép như sau :

Tùng-bách chi từ, kinh-xương-do-mậu.

Bồ-hề chi từ, vọng-thu-thiên-kh.

Về phần tôi, tôi khảo « Từ-nguyên » lại thấy

Cổ-tuý-răng :

Bồ-hề chi từ, vọng-thu-thiên-kh.

Tùng-bách chi từ, kinh-xương-do-mậu.

Sai hai chữ « Tục-tuý-tập »

« nhi lạc » và một chữ « chất », mà câu dưới lên trên, câu trên xuống dưới.

Lại tra từ « Trung Quốc nhân danh đại Từ điển » thấy Cổ Jau rằng :

Tùng bách chi tư, kinh xương do mậu,

Bồ liễu thường chất, vọng thu tuyền linh.

Lại sai với ông hai chữ « Thường chất ».

Một câu nói của Cổ Duyệt Chi, mà mỗi sách chép một khác, khác thì có khác nhưng ý không trái, như vậy là sai, chứ không phải nhầm.

Trong chữ sai, lại còn chữ thiếu và sót.

Một việc có khi không nhầm, không sai nhưng không đủ, thế là thiếu hay sót.

Thiếu tức là không đủ, nghĩa là không có mà đề, thiếu hay không hết mà đề thiếu (như chữ « Xuân Huyền » dưới đây).

Xót tức cũng là không đủ, nhưng có ý, có mà quên bỏ sót, hay hết mà quên đề sót, (như chữ « Kim Ốc » dưới đây).

Nếu ông Lê Văn đã nhận rõ ý nghĩa bốn chữ nhầm, sai, thiếu, sót thì xin kính đáp những chỗ nhầm theo sở học của ông.

Trong bảy tháng trời, ông đồ công phu, có kiên chí, đọc rất kỹ quyển « Văn liệu Từ điển » của tôi, lật từ trang đầu, đọc kỹ cả tên sách bên trong và bên ngoài, đọc cẩn thận cả mấy bài nói đầu, suốt mấy trăm trang giấy qua 25 văn tôi bằng kể các sách ở tuổi, ông tìm được 5 chỗ nhầm. Chắc 5 chỗ nhầm này, ông cho là can hệ nhất trong nhiều chữ nhầm mà ông nói ông không nhớ ra được hết.

Năm chỗ nhầm can hệ n ai theo ý ông Lê Văn là những chỗ này :

1) Bồ liễu - 2) Kim ốc - 3) Xuân huyền - 4) Trúc mai - 5) Xấu mầu.

1) Bồ liễu : Trong « Văn liệu Từ điển » của tôi, tôi giải nghĩa bồ liễu là hai thứ cây yếu ớt nên các nhà văn thường ví với đàn bà con gái.

Theo « nỗ khảo sát của tôi, tôi thấy :

Trong « Từ nguyên » nói bồ là một từ cổ bồ (thảo dân) « Hán Việt Từ điển » nói bồ là cây táo.

« Nam Hoa Từ điển » nói bồ là cây cỏ bồ. (Cây cỏ bồ làm củi, làm quạt) lại có cây bồ liễu, cây xương bồ.

« Hán Việt Từ điển » nói bồ 1) là cỏ bồ, 2) là non ẩm ướt, 3) là giả đung làm chiếu làm quạt hay làm bao bọc đồ 2) bồ liễu là cây liễu dương v.v.

« Khang Hy từ điển » nói bồ là cỏ bồ « Bồ thảo dã ».

« Đại Nam quốc âm tự vị » nói bồ là thứ cỏ thơm, rễ nó có nhiều mắt, lá nó lại lá tập.

« Việt Nam Từ điển » nói bồ, tên một thứ cỏ mềm yếu, thường dùng để ví người con gái Bồ liễu cũng là thứ cỏ mềm yếu.

« Hán Việt thành ngữ » nói bồ liễu : j'ose et saule, s. fg, fa ble, débile; p. ex. jeure fille.

Truyện Kiều có câu :

Phận bồ từ vẹn chữ công
Đời thay phận yến đã hồng đây
như vậy ở bồ là một thứ cây riêng.

Trong loài bồ, có thứ bồ liễu, cây thủy dương (solex gracilistyla).

Ông Lê Văn tra cứu thấy có chữ « Bồ liễu » ở quyển Tâm nguyên

Từ điển của ông Lê Văn Hoè ; Khi ông bầy bồ trên, vôi vàng màu đỏ, nhưng giá ông theo lương tâm của anh em của một người yêu quốc vận, yêu quốc học bảo tôi nên thêm nghĩa vào chữ đó thì phải hơn là bảo tôi giải nghĩa nhầm.

Ông Lê Văn lại theo ông Lê Văn Hoè, dạy thêm cho hay rằng chữ « bồ liễu » rõ thế dùng ví với thế chất suy nhược của người ta, bất luận đàn ông hay đàn bà.

Mỗi cho người nói trên của ông rõ rệt cả chân, ông dẫn sách « Thử Thuyết » có chép :

Cổ Duyệt-chi cũng tuổi với vua Giản văn Đế, Duyệt-chi tảo học trước, vua hỏi, Duyệt-chi trả rằng :

« Tùng bách chi tư, kinh xương do mậu, bồ liễu chi tư vọng thu tuyền linh » thân lưng bạch trãi xương tuyết trắng xanh, thân bồ liễu vừa tới thu đã trụi lá.

Ông thấy câu đó, cho là Cổ Duyệt-chi si mê như bồ liễu, ông cho có thể dùng hai chữ đó để ví đàn ông và đàn bà, nhưng ông không biết đó là hán văn, còn ông quên rằng ta đang nói chuyện ở trong địa giới quốc vận.

Ông còn lại, ở trong quốc vận có nhiều chữ hán đứng ở địa vị hán văn thì khác, mà dùng ở địa giới quốc vận thì khác, như chữ : Từ, lễ, tâm, thường, ngang, tăng, lịch, sự v.v.

Tôi xin thú thật, không được như ông có hán hạnh đọc nhiều sách hán ký lạ, nhưng thật ra, ngoài câu văn ông dẫn của Cổ Duyệt-chi trên đây, tôi chưa được gặp một câu hán văn nào dùng hai chữ « bồ liễu » nói về đàn ông. (Xem tiếp trang 44)

BA NGƯỜI THỢ CÀN MẮN

363

LÊ-THANH

Như đã nói trên, khi Nguyễn-Văn-Vĩnh chủ trương *Đông dương tạp chí*, tiên-sinh dịch sách của Pháp đang dần từng kỳ xuất từ năm 1913 đến năm 1917. Những bản dịch này, sau có in thành sách trong loại *Ấu-Tây tư tưởng*. (Tư thư do ông R. Robin, thống sứ Bắc-kỳ cùng tiên sinh lập ra).

Tiên sinh dịch *Thơ ngụ ngôn* của La Fontaine chuyển trở con của Perrault, kịch *Trưởng giả học làm sang*, *Người bệnh tưởng*, người *Biển lận*, giả đạo đức của Molière, kịch *Tục-cá-lệ* của Lesage, tiểu thuyết: *Gil-Blas de Santillane* của Lesage, *Ma-nơ-rong lệ cốt* của Prévost, *Miến-ga-lia* của Balzac, *Bung-giờ* ngụ tâm phảo thủ của Dumas, *Qui li ve du kỳ* của Swift; *Tê-lê-mac phiêu lưu kỳ* của Fénelon; và sau này *Những kẻ khôn ngoan* của Hugo (đăng trong báo *Trung Bắc tân văn*).

Thao lời tiên sinh tuyên bố với một đồ đệ nghiệp dĩa phỏng vấn ông (2) thì tiên-sinh bắt đầu dịch sách lấy từ khi còn ít tuổi, mà dịch sách gì, bộ *Esprit des Lois* của Montesquieu, *Traité de l'esprit* của Helvétius, tập thơ ngụ ngôn tiên-sinh cũng dịch ra khi còn ít tuổi, chưa làm xong *Ấu-Tây tư tưởng*. Tuy vậy nó không phải là những sáng kiến không có giá trị với những bài thơ ngắn *Cổ nhân và con kiến*, *Ba chàng ăn trộm với con lừa*,...

— tất cả 44 bài — Không những tiên sinh diễn hết ý mà còn lột hẳn được tinh thần những bài thơ của nhà ngụ ngôn tây phương.

Sau này trong làng văn ta cũng đã có nhiều người dịch thơ ngụ ngôn nhưng không thể lưu loát, dân dị và đủ nghĩa được như những bản dịch của tiên sinh (3).

Tôi còn nhớ khi tôi còn ít tuổi, học trường sơ học, thầy giáo cho học những bài thơ ngụ ngôn ấy, đọc những câu đặc an-nam:

*« Vì con lừa của ông ăn trộm
Hai thằng gian dối lộn cùng nhau
Thằng này muốn dẽ về sau
Thằng kia muốn bán cho mau lấy tiền... »*

(Hai thằng ăn trộm với con lừa)

Không bao giờ tôi ngờ là những câu văn dịch, và được học những bài ấy tôi lấy làm thích lắm.

Cũng bằng cái động cơ đó, lưu loát tiên-sinh dịch những *truyện trẻ con*. Có thể nói những bài dịch này là những công trình dịch thuật tuyệt-tác không những của tiên-sinh mà của cả văn học Việt-nam nữa. Dưới đây là một đoạn trích trong *« chuyện thằng nhố tí hon »*. (Sau khi thằng nhố tí hon, cùng sáu anh bị cha mẹ đem bỏ vào rừng):

« Anh em đừng lo sợ lắm, càng đi xa càng lợi lớn càng vào mãi tận trong rừng thẳm. Trời lại lối sắp xuống, giờ to lại nổi một cơn lốc cho mấy

cậu sợ hết hồn hết vía. Tai nghe văng vẳng đã hình như lang rú quanh mình, chạy đến mà vô bầy dứa. Anh em lùi thối mà đi, dõ dẫm mở mồm nói chi yên, dõ dẫm quay đầu nhìn lại đằng sau. Kịp lại đến cơn mưa trút nước, anh em đều ướt đến xương. Mỗi bước đi thì chân lại trượt, ngã lấm như chôn như vùi. Dứa nào dứa ấy hai tay lóng còng không biết dẽ vào đâu.

« Thằng Bé-Ti-hon trèo lên cây cao mà nhìn xung quanh xem có thấy gì. Nhìn mãi bốn phía, sau thấy một ngọn đèn thấp thỏm sáng đỏ, xa lắc xa lơ, dẫu dẫu ở tận bên kia rừng rậm. Nó nhảy xuống đất thì lại không nom thấy gì nữa cả, lấy làm buồn quá... »

(*Chuyện trẻ con*
Éditions T.B.T.V, 1933
tr. 70-71)

Kịch của Molière tiên-sinh dịch gần hết những vở cổ giá trị, bắt đầu với vở *Bệnh tưởng*, cả đến vở *hàng văn*, văn Tartuffe tiên-sinh cũng dịch (nhưng chỉ được một nửa đăng trong *Đông dương tạp chí*) cũng bằng văn vần. Kịch là một sự tác dụng và một sự kiện nhân thế. Với *Bệnh tưởng* sau có đem ra diễn. Đó là vở kịch đầu tiên bằng tiếng nam được đem lên sân khấu Việt-nam. Vì vậy, người ta nói sau này người mình viết kịch theo thể cách của kịch Tây phương.

theo lối của người Tây, lập nên một thể văn kịch cho văn-chương Việt-nam ấy là công của tiên-sinh, cũng không phải là quá đáng.

Dịch kịch tiên-sinh cũng theo cái lối riêng của tiên sinh là diễn ý tưởng bằng những câu trong ấy có những tiếng an-nam thuần túy. Dưới đây là một đoạn trích vở *Người biển lớn* trích làm thí dụ:

« Hạc-bá-công — Phi-tiến ».

Hạc-công. — Mày bước ngay cho khỏi nơi này đi ! Mày tao cấm cái lại, nghe: Đồ ăn cắp, đồ chết dâm, chết chém ! Đứng ngay ra khỏi nhà tao.

Phi-tiến. — (nói một mình) Không bao giờ tôi có gặp một người nanh ác như là lão chủ tôi này. Chẳng hay lão bị ma trêu quỷ làm hay sao !

Hạc-công. — Mày làm bầm à ?

Phi-tiến. — Sao ông đuổi tôi ?

Hạc-công. — Mày lại cõp phải hỏi ta à, thằng chết dâm kia ! Muốn sống ra ngay, không thì ta đánh cho mày tan xương bây giờ.

Phi-tiến. — Tôi làm nên tội gì mà ông đánh đuổi tôi.

Hạc-công. — Tội mày ấy à ? Tội mày là tội khiến cho ta muốn sống mày đi ngay.

Phi-tiến. — Thưa ông, cậu con đàn con phải đứng chờ cậu đây.

Hạc-công. — Mày đi ra đứng mà đứng chờ nó, chứ đừng có đứng trong nhà ta, sưng sưng như là cái nậu kia kia, để mà nghe ngóng, để mà dò la rồi ăn cắp đồ. Ta không sợ mày luôn luôn mà thám theo chân ta mà xem xét công

việc của ta, hai con mắt mày cứ thao láo ra mà nhìn theo ta từng bước, để chực cướp sống lấy của ta : lủa nào mày cũng chỉ đợi ta xảy cái gì thì mày ăn cắp mà thôi.

— Phi-tiến. — Thưa ông, ông thử nghĩ xem có cách nào là cách lấy trộm được của ông cái gì không ? Ông có cái gì thì ông giấu giấu thật kỹ rồi ông ca kêu đêm canh ngày như thế tôi phỏng ai là người ăn cắp được nữa.

... Hạc-công. — À mày lại lý sự với ta à ! Ta thì cho cái lý sự này vào mặt bây giờ (giơ tay định tát Phi-tiến) Bước ngay ra khỏi đây !

Phi-tiến. — Vậy thì tôi ra.

Hạc-công. — Trong nhà đã, mày có mang gì của ta đi đó không ?

Phi-tiến. — Tôi còn lấy được cái gì của ông đi nữa

Hạc-công. — Lại đây ta xem. Đưa tay đây.

Phi-tiến. — Tay đây (Phi-tiến giơ cả hai bàn tay ra)

Hạc-công. — Tay nữa

Phi-tiến. — Còn tay nào nữa ?

Hạc-công. — Tay nữa.

Hạc-công. — (trỏ vào quần đùi) Mày có giấu gì vào đây không ?

Phi-tiến. — Ông xem lấy.

Hạc-công. — (lăn ống quần của Phi-tiến) Những thứ quần đùi rộng ống như thế này chỉ là cho chúng nó dễ giấu đồ ăn cắp mà thôi. Ta muốn đem chém một vài đứa về tội đó.

(Những bài kịch của M. H. H. tiên-sinh. Trung-bắc tân-văn 1928 trang 235 - 236 - 237)

(Còn nữa)

LE THANH

1) Tân Nam-Tiê.

2) Tân Văn số 1 ngày 28-7-1935

(3) Con ve sầu và con kiến
Ve sầu kêu ve ve,
Sốt mửa hè

Đến kỳ giao-bác thôi,
Nguồn cơn thật bối - rồi

Một miếng cũng chẳng còn
Ruồi bọ không một con.

Vác miếng chịu khúm núm,
Sang chi kiến hàng xóm,

Xin cùng chi chờ vay
Giữn ba hạt qua ngày :

— Từ nay sang tháng ba,
Em lại xin đem trả

Trước lâu, thế đất trời !
Xin giả cả vốn lời.

Lính kiến ghét vay cạy
Thời ấy chẳng hề chi,

— Nặng "ráo" chú làm gì ?
Kiến hỏi ve như vậy

Ve rằng :

— Luôn đêm ngày,
Tôi hát, thiệt gì bác

Kiên rằng :

— Xưa chui hát
Nay thử múa coi đây.

2^e édition :

CENT RÉDACTIONS CORRIGÉES AU CERTIFICAT
D'ÉTUDES COMPLÉMENTAIRES INDOCHINOISES

par MM. Trần-Huy Cơ et Ng-Huy Hoàng, Instituteurs
(Ouvrage adopté par la Commission des manuels scolaires)

Prix 2\$00 Port recommandé 0\$32

Librairie Đông Tây, 195 Rue du Colonne - HANOI

Kính đáp ông Lê Văn...

(Tếp theo trang 11)

Còn về địa-gới quốc-văn, ông dám cả tiếng nói có thể dùng hai chữ « bổ-lieu » với dân ông thì thật ông định làm lần đọc giả.

Kim ốc : Trong « Văn-liệu Từ điển », tôi giảng nghĩa : « Kim = vàng, ốc = nhà, tức như nhà các vua chúa ở ».

Giống thế, tức nghĩa đen là nhà lằng vàng, mà nghĩa bóng, là nhà đẹp như nhà các vua chúa ở.

Ông Lê Văn cho thế là nhảm. Và bảo « 3 » là nhà thật đẹp thôi.

Thực ra câu giảng nghĩa trong « Văn-liệu » có sót một chữ đẹp.

Nhà thật đẹp, nói như nhà các vua chúa ở — ví vua chúa thường được ở những nhà thật đẹp — phỏng có khác gì nhau.

Cũng như thời nay, ta thường nói :

« Ăn chơi đồ vương », với « ăn chơi xa xỉ » mà ông cũng bảo là nhảm thì thật tôi không dám phục.

3) Xuân huyên : Trong « Văn-liệu » tôi giảng nghĩa, xuân là cha, huyên là mẹ, ông Lê Văn cũng nói như thế, duy khác nhau ở chỗ đời Đường với đời Tống.

Thế mà ông vội vàng cho ngay là nhảm, ghì vào năm cái nhảm lớn thì thật tôi phải thán phục cái tài chằm văn của ông.

Bồ học mệnh mông, sù học có hạn, tôi người biết được một ít, chữ ai đã dám tự nói đọc suốt được sách cổ kim. Đến thư viện to nhất hoàn cầu cũng chưa dám nói là sù-tâm (sù tâm thời chưa nói đến đọc) hết thư tịch ở thế gian.

Phàm, ưm học, học được đến đâu, xin trình bày đến đấy (như lời tôi đã thanh minh trên đầu

quyển « Văn-liệu » chữ cổ dám nói đông dài như anh bán dầu trên xe hỏa, mười voi không được một bát sáo có ý lừa người, lừa người, hơn là học người, những bực sỹ quân tử chắc cũng thừa rõ cái đã tâm của những kẻ bôn xu mua danh mua lợi ấy lắm.

Ông Lê Văn đọc được sách đời Đường thì hay được từ đời Đường, tôi mới học được đến đời Tống thì nói từ đời Tống, như vậy là thành thực. Biết đâu, bồ học còn rộng, rừng-sách còn nhiều, trong thiên hạ còn nhiều người giỏi sau này chắc còn nhiều người khác đọc nhiều hơn nữa lại chỉ bảo thêm ra, như thế, học thuật mới tiến, quốc-học mới thịnh chứ chưa chi đã lấy mấy tên sách tạp nhạp mê hoặc người đời, có khác gì anh thợ vẽ sùng chỉ vẽ vẽ rồng phượng, kỳ lân, mà không dám vẽ gà chó trâu ngựa.

Nhân câu truyện trên, tôi xin kể một thí dụ để ông hiểu chữ thích một như trong câu văn không ai dám tự-đắc là đúng mà phải thành thực.

Trong truyện « Kiều có câu :
Tiếc thay trong giá trắng ngần
Đến phong trần, cũng phong
trần như ai.

Lại ta có câu phương ngôn :
Trong như giá
Trắng như ngần.

Có một chữ « ngần » mà mỗi vị chú thích một khác.

Trong « Kim » Văn « Kiều chú thích » của cụ Bùi Khánh Diễm trang 110, chưa câu tròn xuất sứ ở câu thơ Tàu cổ.

Thanh như băng tuyết, bạch như ngần.
(Trong như băng tuyết, trắng như bạc.)

Theo ông Hồ đắc Hàm cho chữ « ngần » là chữ ngần là bạc đọc trạch ra.

Lại ông Bùi-Kỷ và Trần Trọng Kim trong truyện « Thúy Kiều » trang 133, nói « ngần » là của cá ngần trắng như bột.

Ông Nguyễn văn Vĩnh và ông Nguyễn can Mộng cũng chú thích truyện Kiều, đều không nói gì đến chữ « ngần » ấy cả.

Đến ông Tân-Đà Nguyễn Khảo Hiếu, trong quyển « Vương Thúy Kiều » chú giải, trang 94, ông thành-thực ôn cả những lời chú thích của các vị trên, và thêm rằng : « chưa biết nghĩa nào phải hơn nay xin đề ra ».

Xem đó thì biết những bực cần chính quân tử bao giờ cũng thành thực không dám khinh xuất hạ bút viết càn.

4) Trúc mai : Trong « Văn-liệu » tôi giải nghĩa « Trúc mai » là cây trúc và cây mai, căn cứ vào sử sách các bực tiền bối.

Ông Lê Văn cả tiếng nói là giảng nghĩa như thế là nhảm, ông nói thêm :

« Trúc mai, chính phải gọi là mai trúc mới đúng. Trong Kiều thông-dụng cả hai tên đó.

Một nhúm xum họp trúc mai

.....

Chắc rằng mai trúc tại vậy. Mai trúc không phải là hai thứ cây — vầy như ông Lê Văn giảng giải — mà chỉ là một giống tre (trúc) ở vùng Quảng-Đông nước Tàu. Sở dĩ giống tre đó mang tên là mai trúc nghĩa là giống trúc (làm mai) làm mối vợ chồng là vì một điển tích cũ.

« Điển tích » ấy, sách « Lương-ban thư Vũ » « Tây-bút » chép như sau đây

Đồ phụ đàm (dầm đánh đồ được vợ) ở huyện Long-môn tỉnh Quảng-Đông. Tương truyền xưa có hai cô cậu bé đánh đồ với nhau ở trên bờ mồi ngời cầm một thanh trúc ném xuống vạn thượng lưu dầm mà rằng: Hễ hai thanh trúc này khớp lại với nhau làm một thì chúng ta sẽ kết làm vợ chồng.

Quả nhiên hai thanh trúc khớp lại với nhau. Hai cô cậu bèn lấy nhau, vì vậy. Jầm ấy gọi là « Đồ phụ đàm » mà trúc mồi ở trên dầm gọi là Mai-trúc.

Thế là ông Lê Văn cho từ xưa đến nay cả bên ta lẫn bên Tàu cả nhà văn đều dùng nhau hai chữ Trúc mai. Đến thế kỷ thứ 20 này, ở đất « Nghìn năm văn vật » mới có ông Lê Văn Hòe năm 1942 trước, rồi nay ông Lê Văn họa theo tìm thấy hai chữ « Mai trúc » ở trong pho sách « Lương hạo thụ Vũ am tùy bút » (?). Ông Lê văn Hòe trong quyển Thi Thoại trang 251 tìm được đề đó, mừng quá nói rằng:

« Chúng ta phải phục cổ nhân ở chỗ xem nhau biết rộng, mà tự lấy làm thẹn rằng muôn dặm đường đã không được đi, mà muôn quyển sách lại không được đọc. »

Nhưng xin ông biết cho chúng ta sinh sau đẻ muộn, nên làm con cháu cổ nhân, chẳng nên làm tôi tớ cổ nhân.

Đọc sách tin cả sách cũ cũng không, mà đừng đọc sách còn hơn.

Sách có sách hay sách dở, sách đáng tin sách không đáng tin.

Hai ông cho thế là một sự phải minh to tát và ích lợi cho văn học giới Việt nam và Trung Hoa. To tát thế, mà từ năm 1942, đến giờ, không làm chấn động được thế giới văn chương cõi Á-đông.

Nay, xin bình tĩnh lại giảng giải ngữ chữ Trúc mai đề ông rõ.

Hai chữ « Trúc mai », trong văn chương Việt và Hoa đều dùng một nghĩa là cây trúc và cây mai.

Trúc ruột trắng và xanh, bốn mùa tươi tốt, nên văn nhân thường lấy cái từ cả bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, và cây trúc, nên thường gọi là trúc quân tử.

Mai là một thứ cây hoa nở sớm hơn cả hoa khác, mà rất cách thanh kỳ, người Việt cũng rất phẩm giá đó. Vì thường vì với tài lỗi lạc siêu quần của người học phi phẩm tài tuấn.

Vì thế, nên thường hay lấy hai thứ cây đó vì với anh em, vợ chồng có ý chú ý cho nhau mong cầu nhau đều là người chính nhân quân tử.

Trở lại văn chương Việt và Hán xưa nay, đều dùng như thế, không hề bao giờ viết chữ mai là làm mỗi cả.

Như câu văn Việt:

Một nhà xum họp trúc mai.

Cùng sâu nghĩ về, cùng đại tình song.

(Kêu)

Như câu văn Hán:

Khai song mai nguyệt bạch

Khi trăng trúc quang thanh.

Đổi lẽ thường hay treo chơi ở cả nhà).

Tôi nói vậy, chắc ông Lê Văn lại vện bài thơ của ông thi hào đời Kháng Hy, là Khuyết-đá Quán có câu:

Đàm thượng hội Kim mai trúc mỹ mà bảo, văn Hán có dùng, nhưng đó là bài thơ vịnh trên Đồ phụ Đàm của Lương Tấn-Trúc. Lại biết, đầu Lương Tấn-Trúc

không dựa vào truyện tình sử. Vũ-Hựu đời Đường đặt ra tên mai trúc trên Đồ phụ Đàm được.

Xét vậy thì rõ cái thuyết mai trúc của ông Lê Văn và ông Lê văn Hòe không hề đúng vững mà là bầy nũa, chẳng qua hai ông đọc sách không chịu suy nghĩ và có ở lập đi đề tõe đời.

Xem quyển « Tâm nguyên từ điển » trang 333, ông Lê văn Hòe nói hai chữ trúc mai, chứ mai là cây hương; đến khi ông gặp được truyện Đồ phụ Đàm lại lật đật lật lộn thi thoại trang 249 mà bảo là mai trúc.

Sở dĩ từ năm 1942 đến nay, không ai nói tới, là ông vì cách đọc sách này nay sẽ khước (xin xem bài vấn đề đọc sách ngày nay của hiệp sĩ tự sỹ ở báo Tri Tân số 140, và 141) đó mà thôi.

5. Xiêu mẫu: Pồn dĩ nhâm trên, ông Lê Văn và ông Lê văn Hòe, độ ga độ qua hãg trên đã rõ hay dở, đến cái nhâm dĩ 5 này, mới thật là cái nhâm lớn mà người phạm vào nhâm sẽ ở cho độ-gã biểu người thế nào?

Người nhâm đó là ai, tôi không dám đi, tôi nói ra đây, xin độ giả đọc nốt mấy dòng dưới này về chữ « xiêu mẫu », độ-gã sẽ rõ.

Trong « Văn hiệu » lời giải nghĩa hai chữ « Xiêu mẫu » như sau:



« Lúc Hàn Tín còn hàn vi, «đời khờ Bà Xểu-mẫu cho ăn một bữa cơm đến s u Hàn-Tín thì Hàn Cao-Tổ làm tướng, có, cũng đem trả ơn bà Xiểu mẫu nghìn vàng. Đời sau thường dùng điển này nói việc báo đáp ân nghĩa.»

Ông Lê Văn quá yêu quốc văn, riêng lại yêu lời nói nôm nã. — mặc dầu đi xa xôi là không biết mặt nhau đã không biết nhau tất cũng không có việc gì xích mích với nhau, nhưng tôi không biết làm sao ngày năm ng á, ông mang chữ « Mông Hồn » ra làm lễ tượng kiến «Tiệt» a «Liêu mẫu» phải viết là Xiểu mẫu (không viết h a) vì Xiểu mẫu không phải là danh từ riêng, Xiểu mẫu không phải là bà Xiểu mẫu như ông Nguyễn-văn-Minh làm tướng Xiểu mẫu chỉ là một phụ thợ giặt mà thôi, tên là gì sợ không chép, nên tới nay không ai biết.»

Rồi ông lại trưng ra nào «sử-ký sự mã thiên», nào Hoài âm Hầu truyện x dễ đọc-giả kinh hoàng, và dễ tới thất hồn rồi lại chưa thêm một năm chữ nôm và dịch nghĩa tôi không dám biên ra cả đây, sợ làm phiền độc-giả mất thời giờ đọc và làm tốn giấy của nhà báo, chỉ xin nói vậy cũng đủ, vì chỗ nhầm không phải ở sách cổ hay sách kim, mà ở trình độ học thức, của người bình phẩm.

Sau đoạn văn ông trích ở sách cổ, ông lại thêm một đoạn vào tạo nhả, hùng hồn lịch sự như sau :

«Coi độ thì Xiểu-mẫu đâu phải là bà Xiểu-mẫu gọi Xiểu-mẫu là bà Xiểu-mẫu thì có khác gì gọi Qu ly là ông «Cu li» Vả em là bà «Vả em» lấy tên nghề nghiệp người ta báo là tên thật.

Nếu ông chịu xuy nghiệm, thì ông còn lạ gì rất nhiều danh từ chung, biến thành danh từ riêng, và nhiều tên nghề nghiệp thành ra tên thật. Vì những trường hợp đặc biệt.

Những tên : Âu-cơ, Mị-nương, Triệu-âu lại những tiếng : Đền Bạch-mã, Cổng trời hàng lược, Chợ Huyện rào v.v. đều là danh từ chung biến thành danh từ riêng cả.

Đến như chữ « Xiểu mẫu » ông bịa chỉ là con mẹ thợ giặt, thật phải, Xiểu hay phieu nghĩa là giặt.

Nhưng Xiểu-mẫu là danh từ riêng trong sử Tàu đã lâu, ông không biết nên nhầm vì trong văn Hán, những danh từ riêng không in khắc danh từ chung như Âu Mỹ. Chỉ khi nào các cụ thư nhân đọc sách liêu «chêm» vào những nhân danh, gia-danh tất mới có phân biệt.

Ông đọc sách hán; không biết phân biệt, lại còn cả tiếng báo người nhầm. Như vậy thật cũng là câu giải thoát hứng thú trong văn-giới vậy.

Muốn chứng tỏ lời tôi nói là đúng, tôi xin ông tìm quyển « Nhân danh đại Từ điển » sẽ thấy rõ rằng có hai chữ « Xiểu mẫu » ở trong.

Mấy chỗ nhầm ông Lê Văn vạch ra, tôi đã kính đáp cần thận, độ-giả xem hết, tất biết phải trái hay dở, vì tôi xin nếu đồ im không nói rõ, sợ các ngài nhạ nhầm sẽ có thương tổn cho nền học thuật nước nhà, nên bất đắc dĩ phải có bài

này, cũng tự biết đã làm mất thời giờ cho người đọc, tốn giấy in chỗ nhà báo, thật trong lòng ăn hận vô cùng.

Vì nghĩ ngày nay, bọn bẻ bẻ đảo, muốn dân xao xuyến, người các nước đua nhau ganh tài đấu trí bứt sức nghiên cứu khoa học lời tán thố mà mình, trong người chẳng ngấm đến ta, không biết tình-ngộ yêu mến nhau, đoàn kết nhau, bảo ban nhau, khuyến khích nhau đấu dặt nhau, học hỏi thêm lên đề k'oi phụ cái tiếng « văn hiến » rườ-rữ của ông chà còn lại, đồ khôi phi cái khí « vô lược » oanh liệt của tổ tông di truyền ; lại chỉ dùng thời-giờ vàng ngọc nghĩ những cách đồ trực chia rẽ nhau, xâu xé nhau, ghen tị nhau, bới móc nhau, thì phỏng còn bao giờ lại thấy được những cảnh

Văn phong loài Trung quốc,

Vô lược khai biên thùy,

của các cụ ta xưa nữa vậy

Ông Lê Văn nghĩ sao ?

LÔNG ĐIỀN

Nguyễn văn Minh

Giá báo

1 năm	20 \$ 00
6 tháng	11 , 00
3 tháng	6 , 00
Mỗi số	0 , 50

Tin Thăng long

Nhấn ngày hội nghị giáo khoa toàn quốc do hội Truyền bá quốc ngữ Hanoi tổ chức

Hồi 5 giờ chiều ngày thứ bảy 29 Juillet 1944, ông Nguyễn-văn-Tổ hội trưởng hội T. B. Q. N. đã khai mạc hội nghị giáo khoa toàn quốc tại hội quán C. S. A. phố Coulier Hanoi bằng một bài diễn văn khá giầu và quàn trọng. Sau khi kể cái kết quả trong 6 năm hoạt động của hội là mở được tất cả 17 chi nhánh tại Bắc Kỳ cả 827 lớp học, 2907 giáo viên đào tạo được hơn 4 vạn học trò biết đọc biết viết chữ « nước nhà », còn ở Trung Kỳ thì có 11 chi nhánh thành lập dạy được hơn 4 nghìn người, ông nói về các tiền chi phí về một người học trò của hội, về sự tận tâm của các giáo viên rồi ông mong tìm được một dấu hiệu riêng cho người giúp việc dạy học vì có dấu hiệu ấy thì những người không mang nó tự nhiên sẽ thấy mình chưa làm phận sự một người dân là phải giúp nước cho đỡ người thất học.

Kể ông là ông Vương kiểm Toán, trưởng ban dạy học, Hanoi lên diễn

đàn nói cho thành giả biết cái tình hình về việc dạy học.

Sau mấy bản đàn của ban Bình Minh giúp vai các đại biểu các chi nhánh lên trình bày công việc. Đại biểu tỉnh Bình Định được mời lên nói trước tiên; rồi đến các ban ở Thừa Thiên, Thanh Hóa, và ở 14 chi hội Bắc Kỳ.

Phiên họp lần thứ hai hôm ấy mãi 2 giờ sáng hôm sau mới chấm hết.

Hôm sau chủ nhật 30 Juillet, hội nghị lại họp để nghe ông Tạ nân Ngọc nói về đại cương chương trình lớp cao đẳng của Hội, và thảo luận về: a) công việc gây dựng, duy trì và mở mang mọi khu trường, b) cách tìm học trò, giữ học trò, cách kiểm giáo viên, tuyển giáo viên, c) vấn đề dụng cụ d) mở thư viện bình dân.

Trước khi ra về, các đại biểu ai nấy đều thấy phấn chấn trong lòng, cho việc chống nạn thất học là một

đòn phản thiên lương của mình mà cũng như là kiếm quyết đi đến diệt, hợp với 2 giáo điều chữ « nước nhà » và « chống nạn thất học » là xây dựng tương lai nước nhà.

Chống nạn thất học là phận sự của cha mẹ.

KHÁI SINH

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 5)

dân bây giờ không ai muốn như thế. Tuy vậy nước ta từ hồi Bắc thuộc về Hán đến bấy giờ, hơn một nghìn năm, không ai khởi xương một thế kỷ độc lập cho lâu bền, như Hai bà Trưng thì chỉ được ba năm lại thua về Mã Viện; bà Triệu tuy làm cho hơn ba vạn nhà được hả giận, sau lại thua về Lạc Định; Lý Bôn tuy xưng đế nước Nam, nhưng chẳng được bao lâu chết vì loạn chư hầu. Thù Loan xưng đế rồi mà cũng mất ở trong rừng; Ngô lại người Nam ta, chưa ai dám chống nổi với Bắc triều, từ khi có trận đánh ở Bạch Đằng, làm cho người Tàu mất vía. Nếu Ngô-Quyên được lâu bền, có lẽ cũng có cơ hội; chẳng may mất sớm, bị em vợ cướp ngôi, các con bên yếu, sinh ra một thời-kỳ 12 sứ quân, thế thì 12 sứ-quân có phải là dân đường mở lối cho Đinh tiên-hoàng không? Con cháu nhà Đinh, đến chết còn xưng trong khi tranh đấu vẫn có đoàn-thể. Nói về việc tranh nhau thì 12 sứ-quân tránh phải khỏi lối; nói về cuộc bất thống, thì 12 sứ-quân lại là có công! (dịch theo Việt Nam phong-sử của ông Nguyễn-văn-Mai).

(Còn nữa)

Ứng hòa NGUYỄN-VĂN-TO

Đón coi:

QUANG · TRUNG TẬP II

của Hoà-Bằng Hoàng-thực-Trần

Sách dày hơn 300 trang: nhiều tài liệu quý giá như ấn Trung-lang-tướng, biểu đòi đất, biểu cầu hôn với công chúa Mãn-Thanh, liên đồng dơi bảy giờ xung nhiều tranh phụ bản và nhiều chữ phổ giúp ích cho các bạn muốn học thêm về sự; kèm thêm phụ-lục Nguyễn Quang Toàn tức con Quang Trung. Quyển thứ II này mới là thời kỳ hoạt động oanh liệt của Quang Trung và là một công trình biên khảo công phu của tác giả. Sẽ ra vào đầu tháng Août 1944

Giá 8\$00

Viết thư về cho

TRINH-NHU-LUẬN

121, Cheneaulmé - Hanoi

MỘT ĐOẠN LỊCH SỬ NGOẠI GIAO

giữa Ta và Tàu hồi cuối thế kỷ thứ XVIII

Số 2

HÒA-BẰNG

« Trái lại, vì ham tài sắc, chỉ nghe lời dân bà (chỉ mẹ vua Chiêu Thống), Ngị (vợ biên-chương của tôi, róm xương đất, làm nhọc sức già, vua đuổi về. Ý hẳn muốn khua dấy dấy binh, tưng-rồng, gây chuyện:

« Mùa đông năm ngoái (Mậu-thân, 1788), Ngị đều bắt quy-dộng nhiều quân, kéo ra khỏi cửa ải, mượn tiếng khôi phục nhà Lê, truyền bịch đi khắp trong nước: đồ tội cho tôi? Hẳn chực đánh rốc đến Quảng nam, đào cây đánh rốc, để trừ mối lo sau cho Duy Kỳ.

« Tôi ở bên lãnh tận dit chần trời, đường xa xa xôi, núi sông cách trở, chẳng hay việc đó có hẳn dự ý Đại Hoàng đế sai làm hay do Tôn-Sĩ-Nghị vì một người đàn bà (mẹ vua Chiêu-Thống) sai khiến, rồi mong kêu-bánh lập công ở biên-thùy để lòng kiếm lợi lớn?

« Hay tin có hình mã Thượng-quốc ra khỏi cửa ải, tôi tự nghĩ: tắc lòng « sợ mạng Trời, phước nước lớn » của mình bấy nay đã bị kẻ khờ-thờ (bấy tôi ở cửa ngõ một nước) ngấm trở mà cái « Duy Kỳ trốn bỏ nước kia lại bị che lấp không thông đạt lên được, sau này mới binh tranh bùng-ra, thì tai vạ không phải là ít!

« Ngô Hồng - Lão, viên tầu tướng của tôi, hãy giữ đang đóng ở Lê-thành. Tôi sai nhóm hội ý kiến họ hàng Lê-vương, văn võ chần-lieu và lý lão cùng hào mục

trong nước, thì muốn miệng một lời, ai cũng theo về với tôi...

« ... Bản tâm tôi không phải tham đất-dại và nhân-dân của nhà Lê đâu, song vì lòng dân ép buộc, tôi muốn từ chối cũng không sao được.

« Vì thế, tôi phải sai viên gia tướng là Trần Danh Bình cùng tám người sứ thần đem ba đạo hăm vắn của Duy-Cần, con Lê vương, và của quần-thần cùng dân chúng đến gõ cửa tướng-dean, khẩn-khoan nài xin Tôn-Sĩ-Nghị hãy cử đóng quân ở nơi quan-ải tra soát nội tình trước đây đã.

« Cùng một lúc ấy, tôi lại sai thả trả bọn tuần-dương-binh Hắc-Thiệu-Tổng bốn mươi người mà Ngô-Hồng-Chấn (tướng Tây-sơn) đã bắt được. Thế là tôi vẫn chằm-chằm tỏ ý cung thuận, chứ có dám công-nhiên chống-cự đâu.

« Vậy mà Tôn-Sĩ-Nghị riêng nghe lời ton-hót đặt đề của mẹ Duy-Kỳ, xoay giết Trần-Danh-Bình, thả bọn tuần-dương binh (1), giam cầm sứ-giả, tâu quân vượt sông Phú-lương (Núi hà), thẳng tới Lê-thành (Tuần-long). Tướng-tá của tôi phải rút quân về Nam.

« Tôn-Sĩ-Nghị được thế, tàn sát dữ quá! Hẳn lại phi sự cho các quan nhà Lê lùng những tướng-sĩ của tôi ẩn náu ở các thôn-trại để bắt đem nộp. Ngày nào hẳn cũng giết đến ba, bốn chục mạng! Chưa đồn lại có tôi hơn nghìn người!

« Duy-Kỳ nhận dịp tốt ấy, thả hồ chém giết những viên-chức sắc, mục (2) đã theo tôi. Rất dối và phanh phỡn cả những dân-bà « có mang, không để sót giống lại! Cái ngón thâm-độc ấy còn gì quá quắt hơn nữa!

« Ôi, kể ra, nhân-dân ở nơi góc biên này, ai chẳng là con đồ của Trần-dinh? Đại Hoàng-đế là bậc « Cứu quá hóa thành », há lại tra viên-vòng, hăm công-lợi, trước, gây sự với ngoài biên-cương, khiến hàng dân vô-tội phải sa vào vòng tên đạn?

« Thế mà Sĩ-Nghị không biết lựa theo đức ý bề trên, lại đi giết người như ngóe, chẳng những riêng muốn cạy tâm một mạng tốt, lại còn chực bắt giết cho kỳ tuyệt vãng-phảnh của tôi nữa! Hả rao toạc lên tờ lịch, cốt rồn người ta vào chỗ chết mới nghe:

« Ôi, cứ kể nhân, sĩ, giáp-binh ở một dải bờ biên này sánh với Trưng-hóa, không được một phần muôn. Nhưng lách sâu ở trước, cộp dứ ở sau, lòng người sợ chết, ai cũng phải cố hăng-hái lên.

« Tôi không tránh cái tiếng « ném chuột vỡ đồ », bèn đem dăm ba tên trai-trắng trong làng trảy ra.

« Những năm, tháng giêng, năm nay (kỷ-dậu, 1789), tôi tiến đến Lê-thành, phụng mong Tôn-Sĩ-Nghị nghĩ lại, họ « may có thể đem ngoại lực thay đổi can qua, xoay binh xa làm hội xiêm áo? Tôi nhún nhận xin yết kiến, nhưng Ngị không hề trả lời.

« Qua bữa sau, quân Sĩ-Nghị xông vào đánh trước. Vừa mới giao-phong, đã đổ xô chạy tan bốn ngã, xô đổ lẫn nhau mà chết. Thấy xác đầy nội, nghèo sông. Còn những quân chạy trốn ra các thôn-trang ngoài thành lại bị dân gian đánh giết hầu hết. Ấy vì trước đây Ngự đóng đồn ở quanh thành, lần không biết ngăn cấm quân-gia để chúng hiếp gái, cướp chợ, làm cho nhân-dân căm giận đến tận xương-tủy! »

« Ngay bữa vào thành, tôi lập tức ngăn-cấm trong xứ: Lẽ thấy bại-binh chạy trốn, nhân-dân không được phép giết. Bọn tàn-binh ấy được đưa đến đô-thành còn hơn 800 người tất cả. Tôi đã sai lấy lương-thực trong kho mà ban phát cho. »

« Trộm nghĩ: binh-dạo vẫn là việc bất-dĩ của thành-thần. Đại-Hoàng-đế thậm nghiêm ngặt nơi cửa-trùng. Nhưng chuyện cương-trường, Tôn-Sĩ-Nghị không hề lâu rõ từng một việc một: Hẳn cho lấp tai mắt. Nhà-vua, đến nỗi làm cho sự thế rối ren đến thế. »

« Châu-chấu đá xe, tôi thật không dám. Song, cửa vua xa-cách, muốn dám, hề tôi nhúc-ních làm gì liền bị kẻ khôn thận, hiệp-dáp. Không sao nhún nôi, nên binh-tính mới dượng như, chẳng cơ. »

« Thiết nghĩ: nước tôi từ Đinh Lê, Lý, Trần trở đi, thế đại đổi thay, chẳng phải chỉ là một họ. Hễ ai có thể làm rào giậu ở phương Nam, thì Thiên-triều, lượng rộng như biển, thường vẫn làm ngơ. Lỗ nhỏ, lựa theo đạo Trời, chỉ cốt giữ lòng rất công-bình, rất nhân-từ mà vun sợi cho cây đã mọc. nước dầu có những chuyện như bọn Ô-Mã Nhị và Hoàng Ngũ-Phú, đã làm bất-lợi cho nước nhỏ này. »

« Nay, lòng Trời đã chán nhà Lê. Con cháu họ Lê đồn kếm, liên yếu, không được lòng dân theo về. »

« Tôn-Sĩ-Nghị vì có lòng-nổi, không thấy suốt sự-tình và lý-do, nên mới chực và-giúp gây dựng lại cho họ Lê ấy. Hết gây mới binh-tranh, khiến cho bọn sinh-linh phải cay đắng khôn kể: Hẳn lừa dối bề trên, tàn ngược kẻ dưới đến thế là cùng! »

« Tôi đóng quân ở thành Long Biên (Thăng-long nghìn ở ngoài trông về cửa trời... Gọi có từ b'ầu ta tội và trần-tình này như qua Quảng-tây phản-tuân Tả-giang binh-bị đạo (chỉ Thang-Hùng Nghiệp) chuyên lâu bày giúp. »

« Nếp nghĩ: Đại-Hoàng đế là bậc theo ý Trời, ban trị hóa, làm cho cảnh khô lại xanh tươi, cây kiết lại nảy nở. Xin Ngài lựa theo tự-nhiên, thứ cho tôi cái tội đến đánh Sĩ-Nghị và xét cho tôi tất thành đã mấy phen gõ cửa ải, dâng lời tâu-bày. Xin Ngài lập kẻ tư-mục để chăn dắt, được nước phần giàu để vưng tể, ban ơn mệnh mới, cho tôi làm An nam quốc-vương, đừng làm phiên binh một phương, kính giữ cái chức phiên phục, khiến cho bản-giới có người cầm đầu cai quản. »

« Tôi xin kính-cần sai sứ-giả sang cửa cung-khuyết, xươg phiên, sửa lễ cống (3). Lại sẽ xin đem số người (từ binh) biên cộn của Nhà-vua mà dâng nộp về tỏ lễ tạ rất thật này. »

Kèm theo tờ b'ầu trên vua Quang-Trung còn có bức thư gửi cho Thang-Hùng Nghiệp, cuối thư có những lời khinh-một và dọa-nạt « Thiên-triều »

« ... Ôi, quân-linh, cốt lửa-đuốc, không cốt đồng cốt-tinh-nhuệ, không cốt nhiều. Ngươi tính cuộc thắng-lợi là tính ở phần quân »

« thắng » hay « công », chứ không phải lấy mạnh để yếu, nhiều hiếp ít. Vì bằng tâm tình này không được bày tỏ, Thiên-triều không chia ban chút khoan-dung, cứ muốn động binh để tranh chiến, làm cho nước nhỏ không được phục nước lớn, thì tôi cũng chỉ biết thuận theo ý Trời, nghe xem số mệnh mà thôi... »

Những lời già đồ cung thưa nhưng đầy vẻ ngạo-nghe ấy của nhà Tây sơn làm cho Trương Hùng Nghiệp rụng-rời kinh-hãi.

Nhất là xem hết tờ b'ầu trên Nghiệp tưởng chừng như nó oanh tể cả h' khiêu-khiêu đến cuối « con Sứ-tử đang mở ngỏ » (cười mỉa-mỉa) vào vòng hỏi đáp lâu nữa.

Nghiệp nói với sứ-giả Đại Việt là Hồ Bửu-hầu: « Nay giờ không phải là lúc quân hai bên đương đánh nhau, vậy sao lại thả tuồn giọng tức-giận? Muốn cầu phong tước hay muốn lại gây binh tranh mà nói những lời như thế? »

Vì, để giữ thể diện cho « Tu ôi triều », Nghiệp phải cầm bức thư ấy, không dám để lọt đến mặt vua. Cần-Long.

HÀNG BẢNG
(trích trong cuốn Quang Trung lập II sắp phá hành)

(1) Bọn lính luỵ, dương này là người của nhà Thanh. Chẳng hay khi vua Quang Trung đã thắng, giao trả Tôn Sĩ-Nghị rồi, tại sao Nghị lại giết chết đi thế? Có lẽ vì Nghị muốn gây sự với Đại Việt, nên mới làm việc kh'ên kh'inh ấy để gieo d' caym giữ vua Cần-Long và vua Quang-Trung chăng?

(2) Nguyên văn là « piêu mục »

(3) Chuyền cống hàng có các đồ (phần 1) vật và 10 d'ạt vàng 80 d'ạt bạc (mỗi d'ạt 84 lạng)

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHIỆ TRIỆU LÊ

S3 90

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

Bùi - đoãn - Nguyễn, hoặc Bùi Nguyễn, người phường Đông-lạc, huyện Thọ-xương, phủ Phụng-tiên, thành Tia-giung, nhà ở Tây-mỗ huyện Từ-lếm.... Năm 32 tuổi, đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập đệ, đệ nhị danh (tứ-bảng nhữn) khoa â-sửu (1505) Ứng-cử hợp-cải. Làm quan đến Hàn-lâm-viện thị-lưu Nam 1522 vua Lê Chiêu-tơng (1516-1526) bị Mạc Đăng-Dung bắt ép, vua đì ra ngoài thành, làm ảnh-diện ở xã Thượng-An-quyết, ông không chịu theo Mạc, sau theo vua Chiêu-tông về Thanh-hóa, trải nhiều sự gian khổ, mà lòng trung nghĩa không đổi. Đến khi vua bị Đăng-Dung đánh thua, chạy về đả nguồn (từ châu Lang-chánh), ông cũng đi chào theo hầu, rồi bị bệnh mất, lúc ấy ngoài 50 tuổi, đến trung-hung (1533-1548) phong ông làm tiết-nghĩa (Đăng khoa bị khảo, q. Hải-dương Phụng-thiên, tờ 103 b-104 a). Đăng khoa lục (q 2, tờ 1 a) chép ông là người huyện Vĩnh-xương nhà ở làng Thiên-mỗ, làm quan đến thượng-thư

Trần Phi người xã Chi-nê, huyện Chương-dực, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn nam. Tên tự là Lương-hật. Năm 27 tuổi, đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập đệ, đệ tam danh (tứ-bảng nhữn) khoa 1505. Làm quan đến Lại-bộ hữu-thị-lang, thừa-tuyên-sứ ở An-bang (nay Quảng-yên) Sau theo Mạc, dần dần làm đến Binh-bộ thượng-thư, kiêm đô-ngự-sứ Vĩnh-dự-tử. Năm 1537

nhà Minh đem quân hỏi tội họ Mạc, Đăng-Dung sợ lắm. Năm 1540, Đăng-Dung sai Trần-Phi đến cửa quân nhà Minh xin hàng. Tướng nhà Minh bằng lòng cho Khôi Mạc Phúc-Nguyên nối ngôi (năm 1546) cho Trần-Phi có công toàn nghĩa cần vương, phong Đông-lai hầu, rồi thăng thiếu phó, tham dự triều-chính, phong Lại-quận-công. Tuổi 70, gia chức tá lý công-thần thiếu-sư, trí sĩ, thọ 76 tuổi. Là con Trần-Khai, đỗ nhị giáp khoa 1472; cha con cùng trí sĩ; có câu đối rằng: «Luỹ đại trạc khoa thiên-hạ hữu, nhất môn trí sĩ thế-gian vô», nghĩa là đời đời đỗ đại khoa thì thiên-hạ có; một nhà cùng trí sĩ thì thế-gian không. Là cháu ngoại Nguyễn-bá-Kỷ, đỗ nhị giáp khoa 1448; tổ năm đời của Trần-Phi,

đỗ tam giáp khoa 1634 (Đăng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 49 a-b; Đăng khoa lục, q. 2, tờ 1 b; Khâm-dinh Việt-sử biên-toán q. 27, tờ 16 b, 17 a).

Khoa â-sửu (1505), 16 ông đỗ, đệ nhị giáp tiến-sĩ nhất thân, tức là ông-giáp, kê tên sau này:

1. — Nguyễn tiểu-Tượng, người xã Lạc-từ, huyện Sêu-loại, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc (Hà-nh). Theo Mạc, làm quan đến Lại-bộ tả-thị-lang, và hầu tòa Kinh-diên, trí sĩ (Đăng khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 104 a; Đăng khoa lục, q. 2, tờ 1 b).

2. — Nguyễn đoãn-Nguyễn (chép theo Đăng khoa lục, sách in, q. 2, tờ 1 b; của Đăng khoa bị khảo, sách viết, q. Sơn-tây, tờ 30 a, chép là Nguyễn đoãn-Văn), người xã Lai-xá, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Năm 33 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1505. Trong năm canh-ngọ 1510, đang làm chức đề-hình giám-sát ngự-sứ, phụng mệnh sung chức phó-sứ sang nhà Minh cầu phong cho vua Lê Tương-Dực (1509-1516).

TU SÁCH NGÀY MỚI

ĐẠI HỌC THƯ XÃ trình bày:

Đã phát hành: **VĂN-HỌC và TRIẾT-LUẬN**

Bà Mộng-Sơn viết qua thực-trạng của xã-hội Việt-Nam tác-giả phê-bình và nghiên-cứu về phư-cửu liêu-thuyết, thi-cai kịch-bản, giáo-dục, lịch-sử, diên-văn, Văn-phạm, triết-học, kinh-tế, trong tác-phẩm của những nhà văn: Vũ Trọng Phụng, Lan Khai, Anh Thơ, Hồ Dzếnh, Bội Phương, G.K. Sơn, P.V. Huệ, Lê, Du, Hoàng Ngọc Phách, Trần Trọng Kim, Nguyễn Duy Khảm, Bát Kỳ, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Lương Ngọc, Nguyễn Xuân Sanh, Phạm Văn Hạnh, hay Cận Ngô tất Tố. Giá 2\$50

SÁP XUẤT BAN:

KHÔNG GIÁO VỚI ÔNG ĐÀO DUY ANH

nghien - cửu của Nguyễn uyên Diễm

VĂN CHƯƠNG VÀ XA-HỘI nghiên-cứu của Lương-dức Thiệp

VIỆT VÀ SỐNG

của Nguyễn xuân Hay

Còn một ít:

MỆ TÔI gia đình tiểu thuyết của Nguyễn khắc Mẫn Giá 3\$80

ĐẠI-HỌC THƯ-XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi Giám Đốc: LÊ MỘNG CẦU

8. — Đào-phùng-Thái, người xã Lương-xá, huyện Thái-lai (Lang-lai), phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm 26 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1505. Làm quan đến Chánh-đoán-sự (Đặng khoa lục, q. 2, tờ 1 b). *Đặng khoa bị khảo* q. Kinh-bắc, tờ 123a) chép « văn đình đối đáng trạng-nguyên, đến khi yết kiến, vua Lê Uy-Mục hiềm người bé nhỏ, cho đỗ nhị giáp tiên-sĩ ».

4. — Nguyễn-đoãn-Thăng, người xã Hoa-thiều, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Có tiếng thanh-dũng. Năm 23 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1505. Làm quan đến thừa-chánh-sứ. Là con Nguyễn-đoãn-Tu, đỗ nhị giáp khoa 1484 (*Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 1 b; *Đặng khoa bị khảo* q. Kinh-bắc, tờ 32b).

5. — Phạm-bình-Tuyền, người xã Tứ-kỳ, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến thừa-chánh-sứ (*Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 1 b; *Đặng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 44 a).

6. — Trần-thời-Vũ, người xã Phú-thứ, huyện Duy-tân (Duy-tiên), phủ Lý-nhân, trấn Sơn-nam. Năm 30 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1505. Làm quan đến thừa-chánh-sứ (*Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 2 a; *Đặng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 76 b).

7. — Lưu-Ngoan (chép theo *Đặng khoa lục* q. 2, tờ 2 a; còn *Đặng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 57 b, chép là Lưu Hăng; chữ Hăng với chữ Ngoan ch' khác nhau có một nét chấm), người xã Tu-lỗ, huyện Sơn-minh, phủ Ứng-thiê, trấn Sơn-nam. Năm 30 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1505. Làm quan đến Đồng-các.

8. — Trương-phu-Thuyết, người xã Kim-dâu, huyện Thái-hiền, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Năm 30 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1505. Năm quí-dậu 1518 hiệu Hồng-thiên, làm quan đến Lễ-khoa cấp-sự-trung, phụng mệnh sung phó sứ sang nhà Minh tạ vế việc sát h' phòng vua Lê Tương-Dực. Trong đời Thống-nguyên (1522-1527) làm quan đến Lại-bộ thượng-thư. Lúc bấy giờ Mạc Đăng-Dung tiếm nghịch, ép vua Lê Chiêu-tông về Thanh-hoa. *Đặng khoa bị khảo* (q. Hải-dương, tờ 52 a b) chép rằng: « Họ Lê chỉ còn một sợi tóc: bấy giờ nhà Lê theo Mạc rất nhiều. Một mình ông Trương-phu-Thuyết không chịu khuất, không vì thế mà suy mà đổi tiết. Đăng-Dung với ông, sai làm tờ chiếu truyền ngôi, ông chọn mặt chẳng lấy. Đăng-Dung biết không thể lay nổi chí khí ông, bèn

sai bọn Nguyễn-văn-Thái và Hoàng-văn-Tân làm tờ chiếu truyền ngôi, rồi giả g' ông làm Công-bộ hữu-thị lang, ra làm thừa-tuyên-sứ An-bang (Quảng-viên). Ông không chịu nhận chức, bỏ quan về nhà. Đến đời trung-hung (1533-1548) phò ông làm tể-nghĩa. Như ông thế không xấu-tổ là người trong khoa-mục, không phụ với tước-lộc của triều-dinh, không bỏ với tổ tông ở chín tuổi. Trong khi triều Lê suy-vi mà ông không tham quân t' ở, không sợ chết, đáng là bậc tru g' nhân, nghĩa sĩ đời xưa... » *Khâm-định Việt sử* q. 27, tờ 15 a) chép tháng chạp ta năm 1526 « Đăng-Dung sai người trong đảng là Phạm-kim-Bang giả vua Chiêu-tông ở phường Đông-hà (thuộc huyện Thọ-xương, Hà-nội), rồi thác là về quê ở làng Cổ-trai (Hải-dương) để dựng nhân... Đến tháng 6 ta năm 1527 Đăng-Dung từ Cổ-trai vào kinh bắt ép Hoàng-dô Xuân truyền ngôi. Lúc ấy trăm quan bãi bạc vừa xong, ch' ra có tờ chiếu truyền ngôi. Đăng-Dung sai Lại-bộ thượng-thư là Trương-phu-Thuyết thảo tờ chiếu. Phu-Thuyết chọn mặt chẳng lấy: « Thế là nghĩa gì? »

(Còn nữa)

Ông-học NGUYỄN-VĂN-TÔ

HAY ĐỌC

HÁT DẶM NGHỆ TĨNH

Khảo cứu của NGUYỄN ĐỒNG CHI — tác giả « Việt Nam cổ văn học sử »
Một lối văn rất xưa chưa đ' ai biết. Một lối văn rất sản xuất riêng trong một vùng! Các bạn sẽ thấy có nhiều cái lạ mà mình không ngờ. Nghệ Tĩnh quả là một vùng khác lạ nhất trong nước Việt Nam chúng ta.

Sách dày 350 trang

Giá 8\$00

Sách đ' bán tại TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Cư

« Khiến nhân tống An-Tư công-chúa
vua Thoát-Hoan, dục thư quốc nan dã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫu thân

NGUYỄN-HUY-TUỞNG

Số 6

Tuy còn trẻ, nhưng so vai-vế thì vương ngang hàng với Tả-ánh-Tôn thượng-hoàng, với Tĩnh-quốc, Chiêu-minh, Chiêu-quốc, Chiêu-vân-vương, với Quốc-công Hưng-đạo, và đứng vào hàng chú vua Thệu-Bảo. Thánh Tôn thượng chủ mất sớm nên không bỏ lỡ một dịp vào, ban ân lộc cho em. Mỗi khi chàng đến kinh, Thượng-hoàng giữ chàng mãi mới cho về, khoản đãi rất hậu. Anh em chỉ em trong tôn thất đối với chàng cũng rất là mến ái.

Cuộc tình duyên giữa chàng cùng An-Tư mới bắt đầu được ngót một năm nay, và mỗi ngày một thêm đậm thắm. Họ đã yêu nhau với tất cả nồng nhiệt của thanh niên. Với tất cả sức trẻ xanh của dục vọng được hoàn toàn buông lỏng. Sự thân mật giữa anh em chỉ em trong họ, sự dễ dãi của một phong tục tự do, thoát hẳn ra ngoài luân lý đạo Khổng, không-khí âm-dâm, nhân-hạ, phong lưu trong cung, tất cả những điều kiện ấy đã giúp cho cuộc tình duyên này nở. Họ cùng nhau hội yến, đàn tay nhẩy múa, hay ngồi đánh bài trong cung, nghe hát hoặc cùng vương hầu công chúa phóng ngựa dạo

chơi hoàng thành, hay đua thuyền rồng mát trên hồ Tây, đôi mắt lửa chỉ tìm đôi mắt lung, bóng ngang tàng chỉ hòa theo bóng liễu.

Vương thỉnh thoảng mới đến kinh, về những dịp kỵ lập, hay những ngày lễ Vạn thọ, một năm chỉ độ ba bốn lần, sự xa cách càng thêm nung nấu tình yêu đôi lứa, kích thích bởi nhớ mong. Mỗi khi đến Thăng-long, chàng không bỏ lỡ một dịp nào không lép vào cung riêng tình tự với người chị con nhà bác ruột.

Ở cung An-Tư ra. Chiêu-thành vương ngày ngất như một người say rượu, hồn chàng phiêu nhiên bay bổng trên mây tầng mây. Mắt chàng mơ màng, ni ứng màu hồng vui như nhẩy đón trước mặt chàng. Cách tay chàng còn cảm được sức nóng của thân nóng-nóng, tai còn nghe tiếng sáo của lời nàng, mũi chàng còn phảng phất hương vị ngây ngất của xác thịt, toàn thể người chàng bao bọc một lần phấn ái tình êm dịu. Chàng không nhìn thấy gì, ngoài hình ảnh vình quang hiện trong khung ảnh, rực rỡ của xóm đào, chàng không nghe thấy gì ngoài khúc nhạc từng bừng của tình ái. An-Tư hiện trước

mặt chàng, trong trắng kiêu lệ, Chàng tự hào hơn chúng bạn vì được một giai nhân tuyệt thế ấy để lọt mắt xanh. Dù phải phơi thân ngoài nơi chiến địa, chàng có tiếc gì.

Trong phút say sưa, chàng tưởng như đang ở trước mặt giờ tay, dễ vượt ve làn tóc đen dài. Một tiếng gọi, kéo chàng từ chín tầng mây xuống thực-tế. Chàng giật mình e thẹn, vì đã qua cửa Dương-minh, và một người lính trong đội Cung-thần hỏi:

— Hoàng thúc làm gì đấy?

Cử quạt dáo bầy, kiểm kích ngồi sáng. Gã lính nhân ngày thơ đã biến mất và Trần-Thông hiện nguyên hình chiến sĩ giữa một quang cảnh sắc mùi chinh chiến. Chàng tròn đờng hoang mang, thì thấy trong cửa Dương-minh đi ra một người vào trạc 27, 28 tuổi, chít khăn vàng, mặc áo bào vàng chôn, đeo kiếm dài, mặt trái xoan, điểm những đường vân tía, trông hao hao nét mặt. Không phụ-tử, thần khí quang thái, dáng trông uy nghiêm tôn kính, nhưng đạo mạo, rất nhân từ. Ấy là vua Thiệu-Bảo.

Thấy Chiêu-thành vương, vua tươi cười. Chàng bước lại, phủ phục xuống bên đường, hô vạn tuế. Vua tiến lại, nâng dậy, cất lời rất sang phán:

— Xin hoàng thúc bình thân.

Vua ép chàng cũng đi song hàng và nói tiếp:

— Trẫm muốn nhờ Hoàng-thúc một việc không ngờ lại gặp Hoàng thúc ở đây, may lắm. Hoàng thúc không cần lên Bắc-vội.

— Hạ thần xin chờ lệnh thánh.

— Hoàng thúc chắc chưa biết rõ. Quân ta thua to quá, Chi-lăng

đã mất, Thoát-Hoan trường-khu đánh an dưỡng thế như chẻ tre, quân sĩ lại hung ác giết hại nhân dân rất nhiều. Quốc-công kéo hai binh về Vạn-kiếp, quân tướng lan vô, Trầm-lã làm to làm. Nay trẫm muốn đến Vạn-kiếp, lối chuyển quốc công, nhưng không muốn bày võ nghệ, trượng trẫm tính đi một chiếc thuyền con nhanh và tiện hơn, muốn mong Hoàng thúc cùng đi.

— Hạ thần xin tuân thánh chỉ. Vương lúc ấy rất thẹn với mình. Chẳng cảm thấy như mình mang một tội lớn, với nhà vua, với xã tắc, với cả gia đình. Trong các vương hầu, chẳng là người ra trận sau hơn cả, trượng trẫm mãi mãi đến khi cất quân đi còn dám bề son phấn. Vương coi mình như mình đã mang một trách nhiệm lớn trong sự lợi của quan quân.

Vì thế, vương gương mặt, tuy vua Taiety Bảo xã ôn tồn không nói gì và cũng không biết gì về chuyện đêm qua. Vua vui vẻ và thân mật bảo chàng:

— Vậy ba chú cháu ta đi ngay.

— Tau Quan gia là thần xin tuân lệnh, chỉ xin Quan gia cho hạ thần báo tin trước, cho quân bản bộ kéo họ nóng ruột vì họ đang sốt sáng ra trận.

— Hoàng thúc thư: là chú dao. Vậy hoàng thúc: về ngay làm nết, trẫm cũng còn phải làm mệnh Thượng-loàng.

Vương mượn một con ngựa phóng ra ngoài thành Long-phượng. Xa xa cảnh đồ đã hiện rõ là cờ « Tinh-cương ». Chàng trở lại, Trần Quý và đoàn gia tướng ra đón; hai nghìn tráng sĩ thấy chủ về ai nấy đều hơn tỏ bảo nhau sửa soạn lên đường họ

bị « giam cầm » mãi, nay mới được ra trận người nào cũng mong chóng được lên Bả, giao chiến cùng với Mưu đã tỏ chí bình an, và bảo sự thủ tướng.

Trần Quý trạc 50 tuổi, tóc bạc râu thưa, trông trắng kiêu, có vẻ hiền lành của thần. Vương cùng Trần-Quý và các gia tướng đi thăm đội ngũ, thấy ngắn nắp về chỉnh, quay lại khen Trần-Quý và bảo mọi người.

(Còn nữa)

NGUYỄN HUY-TUONG

Giới thiệu

Kinh dịch của Ngô Khắc Tở (quyền dịch) giá 10\$ — Mu Lín Xuất bản. Xin cảm ơn.

Hộp thư

Ô Phan Huy Chuyền. Yên Uy Vực, Xa cử giữ, là h an, ngiên h 10\$ soạn

MUỐN CON HIỀN, CHÁU THAO
TRONG NHÀ THAI CÓ SÁCH

IAN HIẾU-KINH

(có nguyên-văn chữ Hán)

HÀ CỐ BẢN

Giá: 1 \$ 20

Du-Thuyết yếu-thuật	3 \$ 80
Lịch-sử Bắc-Chi	2 \$ 00
Nghệ-thuật và đánh giáo	2 \$ 50
P ữ-nữ Việt-Nam	2 \$ 50
Khổng-Tử học-thuyết 1	4 \$ 50
Việt-Hoa thông-sử bản lược	5 \$ 00

QUỐC-HỌC

THU-XA HANOI XƯỞI BẢN

Thư-xã Alexandro de Rhodes

Mời xuất bản hai cuốn

TRUYỆN RỪNG XANH

Phạm xuân-Đỗ phỏng thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R Kipling gồm có những truyện rất là lý thú và tranh ảnh dày 180 trang khổ 17x23

LỤC SỨC TRANH CÔNG

bản dịch của Hào ng hữu-Xiang và H de R

Bộ phần cuối này, Cỗ Cadere đã nói: yó Kim Vâu Kiêu và Chinh-phu nam, và H de R, tranh công còn tự nhiên, phở H de R và có vẻ « an nam » nhiều hơn lắm. H de R tranh công 17x23 H de R mỹ-thuật và tranh ảnh

Mỗi cuốn bán 4 \$ 00 hoặc 0 \$ 50

bản dịch Hào ng hữu-Xiang 1 \$ 10

Tổng hành

MAI-LINH

21, Rue des Pipes — Hanoi

25 Juillet có bán

VĂN MINH SỬTrong bộ « Nhân Loại tiến hóa sử »
của**NGUYEN BACH KHOA**

- Nhìn suốt con đường tiến hóa của văn minh loài người từ đời thái cổ đến hiện tại.
- Đồ tìm cơ-cấu t. ảnh hĩa của các yếu tố văn minh như kinh tế, chính trị, tư tưởng, nghệ thuật.
- Khám phá mối quan hệ giữa văn minh đông phương và văn minh tây phương.



Tủ sách « TÂN VĂN HÓA »
HÀN THUYỀN PHÁT HÀNH

71 Tien tsin Hanoi

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC**SỬ LƯỢC**của **PHAN KHOANG**

Một bộ sách kê-cứu rõ-rắn về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quý của bất cứ ai muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :

Loại thường bán 6\$50 cước 0\$47

Loại đặc-biệt 15\$60 cước 6\$80

Thư bà ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in **MAI-LINH** Hanoido QUẢNG VẠN THÀNH phát hànhđã có bán :**LÒNG VÀNG**

Ed de Amicis đại văn hào nước Ý soạn
Hải-Học dịch

Một quyển giáo-khoa đào luyện tinh thần ái quốc. Các giáo-sư, các phụ huynh và các học sinh đều nên đọc để rõ biết cách giáo-dục bằng tình cảm, và rèn luyện tâm-tư trí-khí cho trẻ em.

Giá 4\$00

Ở xa, xin gửi thêm 0p.60 cước bảo đảm.

đang in :**ĐỜI ĐOÀN THÈ**

Hải-Tùng soạn

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Giá 2\$00

Vị nào gởi tiền đặt mua trước ngày 15 Juillet 1944. xin trừ 20%, cước phí không phải chịu.
Vị nào muốn biết nội-dung sách, xin cho biết địa-chỉ.

Thư từ « Miền » nông xin gửi :

ô. Nguyễn văn Minh

Hiệu Quảng Vạn Thành — Hanoi, 16 phố Lê Lợi

Haiphong, 51 — Doamer — Hải-dương Kinh môn phố Yên-tua

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1944 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Trường Phụng

Imn. Tri-Tân 97-99 Chancéaulme, Hano